

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TÂN TẠO.

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Minh Phương

Sinh viên thực hiện : Lê Thị Quỳnh Nguyên

Mã số sinh viên : 225401074

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên: Lê Thị Quỳnh Nguyên
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

- Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Quyết định thành lập, Giấy phép đăng ký kinh doanh và Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH TM DV Tân Tạo.
- Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý và sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.
- Các chính sách kế toán đang áp dụng tại doanh nghiệp (Chế độ kế toán áp dụng, phương pháp tính thuế GTGT, phương pháp kế toán hàng tồn kho...).
- Báo cáo tài chính của công ty năm 2025.
- Các chứng từ kế toán liên quan đến doanh thu và chi phí: Hóa đơn GTGT đầu ra, phiếu xuất kho, chứng từ ngân hàng (Giấy báo Có, Giấy báo Nợ), phiếu thu, phiếu chi...
- Các sổ sách kế toán liên quan (Sổ cái, sổ chi tiết) của các tài khoản: TK 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ), TK 515, TK 632 (Giá vốn hàng bán), TK 641, TK 642 (Chi phí quản lý doanh nghiệp), TK 811, TK 911 (Xác định kết quả kinh doanh).

4. Các bảng biểu.

Bảng 2.1: Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Phạm Minh Phương

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

Phạm Minh Phương

MỤC LỤC	
GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP.....	2
CHƯƠNG 1	1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Những lý luận chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	1
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	1
1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong nghiệp.....	2
1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập trong doanh nghiệp.....	2
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	10
1.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác	13
1.3. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	15
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính	22
1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng	25
1.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	28
1.3.5. Kế toán chi phí khác	31
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	33
1.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33
1.4.2. Kết quả xác định kết quả kinh doanh	35
CHƯƠNG 2	39
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO	39
2.1. Tổng quan về công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Tạo	39
2.1.1. Tổng quan về công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Tạo	39
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	39
2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ	40
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo ..	40

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	42
2.1.6. Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	44
2.1.6.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo	44
2.1.6.3. Các phần hành kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	45
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	46
2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	46
2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo	62
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	77
CHƯƠNG 3	92
CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO	92
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	92
3.1.1. Ưu điểm	111
3.1.2. Nhược điểm	112
3.2. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	112
3.2.1. Ưu điểm	113
3.2.2. Nhược điểm	113
3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo	113

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu mẫu 2.1: Hóa đơn GTGT.....	47
Biểu mẫu 2.2: Hóa đơn GTGT.....	48
Biểu mẫu 2.3: Hóa đơn GTGT.....	49
Biểu mẫu 2.4: Sổ chi tiết TK 5111.....	50
Biểu mẫu 2.5: Sổ chi tiết TK 5112.....	50
Biểu mẫu 2.6: Sổ chi tiết TK 5113.....	51
Biểu mẫu 2.7: Sổ cái TK 511.....	51
Biểu mẫu 2.8: Hóa đơn GTGT.....	53
Biểu mẫu 2.9: Sổ chi tiết TK 521.....	54
Biểu mẫu 2.10: Sổ cái TK 521.....	54
Biểu mẫu 2.11: Giấy báo có ngân hàng.....	56
Biểu mẫu 2.12: Sổ chi tiết TK 515.....	57
Biểu mẫu 2.13: Sổ cái TK 515.....	57
Biểu mẫu 2.14: Hóa đơn GTGT.....	59
Biểu mẫu 2.15: Sổ chi tiết TK 711.....	60
Biểu mẫu 2.16: Sổ cái TK 711.....	60
Biểu mẫu 2.17: Phiếu xuất kho.....	62
Biểu mẫu 2.18: Phiếu xuất kho.....	63
Biểu mẫu 2.19: Phiếu xuất kho.....	64
Biểu mẫu 2.20: Sổ chi tiết TK 632.....	65
Biểu mẫu 2.21: Sổ cái TK 632.....	65
Biểu mẫu 2.22: Giấy báo nợ ngân hàng.....	67
Biểu mẫu 2.23: Sổ chi tiết TK 635.....	68
Biểu mẫu 2.24: Sổ cái TK 635.....	68
Biểu mẫu 2.25: Hóa đơn GTGT.....	70

Biểu mẫu 2.26: Sổ chi tiết TK 641.....	71
Biểu mẫu 2.27: Sổ cái TK 641.....	71
Biểu mẫu 2.28: Hóa đơn GTGT	72
Biểu mẫu 2.29: Sổ chi tiết TK 642.....	74
Biểu mẫu 2.30: Sổ cái TK 642.....	74
Biểu mẫu 2.31: Chứng từ kế toán.....	75
Biểu mẫu 2.32: Sổ chi tiết TK 811.....	76
Biểu mẫu 2.33: Sổ cái TK 811.....	76
Biểu mẫu 2.34: Báo cáo KQHD KD.....	79
Biểu mẫu 2.35: Tờ khai quyết toán thuế TNDN.....	83
Biểu mẫu 2.36: Sổ chi tiết TK 821.....	84
Biểu mẫu 2.37: Sổ cái TK 821.....	84
Biểu mẫu 2.38: Sổ chi tiết TK 911.....	87
Biểu mẫu 2.39: Sổ cái TK 911.....	88
Biểu mẫu 2.40: Sổ nhật ký chung năm 2025.....	92

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
TK	Tài khoản
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
HHBTL	Hàng bán bị trả lại
DT	Doanh thu
LN	Lợi nhuận
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TN	Thu nhập
BDS	Bất động sản
CP	Chi phí
SP	Sản phẩm
HH	Hàng hóa
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp



Lời cảm ơn

Thực tập là quá trình chúng em được tiếp xúc nhiều hơn với những kiến thức thực tế. Qua đó giúp chúng em biết và học được nhiều điều mới mà chúng em chưa biết. Sau khoảng thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo đã cho em có thêm nhiều kiến thức và bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu.

Để em có thể hoàn thiện bài khóa luận này, trước hết em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý thầy cô trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng đặc biệt là thầy, cô khoa Kế Toán nhờ những kiến thức chuyên môn vững chắc đã giúp em có được hành trang để sẵn sàng cho quá trình thực tập.

Đồng thời em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ban lãnh đạo cùng với các phòng ban, các cô chú, anh chị tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo đơn vị đã tiếp nhận và nhiệt tình tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em tiếp cận công việc thực tế, đặc biệt là chị Nguyễn Thị Thùy Dung đã tạo nhiều điều kiện giúp đỡ mặc dù rất bận rộn với công việc của mình nhưng chị vẫn cố gắng hướng dẫn, giúp đỡ em một cách nhiệt tình, vui vẻ và luôn tạo điều kiện tốt cho em trong suốt quá trình tìm hiểu, nghiên cứu, thu thập số liệu để em có thể nắm bắt chính xác thực tế nghiên cứu tại đơn vị đóng góp ý kiến bổ ích cho em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Để thực hiện tốt bài khóa luận này em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến cô ThS. Phạm Minh Phương là người đã trực tiếp hướng dẫn chỉ bảo cho em một cách tận tình, chu đáo trong suốt quá trình hoàn thiện bài khóa luận này.

Tuy nhiên, trong thời gian thực tập ngắn và năng lực của bản thân còn nhiều hạn chế nên báo cáo này không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong sự đóng góp của cô giáo để bài báo cáo khóa luận tiếp theo của em được hoàn thiện hơn cũng như giúp em rút ra được nhiều kinh nghiệm cho bản thân.

Em xin chân thành cảm ơn!



LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ ngày càng phát triển, đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học và hiệu quả. Trong đó, kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữ vai trò đặc biệt quan trọng, phản ánh trực tiếp kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tân Tạo, doanh thu chủ yếu phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa và cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng với khách hàng. Việc hạch toán đầy đủ, chính xác và kịp thời doanh thu giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt tình hình tài chính, xác định đúng kết quả kinh doanh và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu còn cung cấp thông tin quan trọng cho công tác quản lý, lập kế hoạch và ra quyết định kinh doanh. Xuất phát từ vai trò đó, việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tân Tạo là cần thiết, góp phần làm rõ quy trình ghi nhận doanh thu, sử dụng chứng từ, sổ sách kế toán và đánh giá những ưu điểm cũng như hạn chế trong công tác kế toán tại doanh nghiệp.

2. Mục đích và đối tượng nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo. Từ đó đưa ra các giải pháp để góp phần hoàn thiện phần hành kế toán của công ty

Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo.

3. Các phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng: Phương pháp phân tích, phương pháp thu thập và xử lý thông tin, phương pháp so sánh, phương pháp quan sát.

2. Cấu trúc đề tài

Cấu trúc khóa luận này bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo.

Chương 3: Các phương pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. Những lý luận chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ Khái niệm doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 14 ‘Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu’

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 78 Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính: ‘Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được nhượng quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền’

➤ Khái niệm chi phí

Dựa vào khoản 1 điều 82 Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính: ‘Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa’

➤ Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ theo điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính: ‘Xác định kết quả kinh doanh là kết quả tổng hợp của ba hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác trong một kỳ kế toán. Được thể hiện dưới dạng lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp’

1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong nghiệp

➤ Chức năng

- Phản ánh toàn bộ các giao dịch kinh tế liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh thông qua các nghiệp vụ ghi chép, tính toán, tổng hợp.
- Kiểm soát tính hợp pháp và hợp lệ của các khoản doanh thu, chi phí, đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả và hạn chế thất thoát.
- Cung cấp thông tin tài chính chính xác và kịp thời cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định kinh doanh, chiến lược bán hàng và phân bổ nguồn lực.

➤ Nhiệm vụ

- Ghi chép, tập hợp doanh thu phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Xử lý các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại theo đúng quy định và hợp đồng.
- Ghi chép, phản ánh tính toán và hạch toán chính xác các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Phân bổ các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý cho từng đối tượng cụ thể.
- Xác định giá vốn hàng bán thực tế của hàng hóa đã tiêu thụ để làm căn cứ tính lợi nhuận
- Lập báo cáo doanh thu, chi phí và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo định kỳ (tháng, quý, năm)

1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Khái niệm về doanh thu thuần

Doanh thu thuần là chỉ tổng số tiền doanh nghiệp thu được thông qua hoạt động kinh doanh chính của mình sau khi đã trừ các khoản giảm trừ như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bị trả lại.

Doanh thu thuần	=	Doanh thu	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
-----------------	---	-----------	---	------------------------------

Doanh thu	=	Số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong kỳ	×	Đơn giá
-----------	---	---	---	---------

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Điều 79, Thông tư 200/2014TT-BCT đã nêu rõ điều kiện ghi nhận doanh thu như sau:

a. Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đồng thời thỏa mãn các nghiệp vụ sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hóa đơn giá trị bán hàng thì ghi rõ giá bán chưa thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải

nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng thanh toán.
- Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.
- Doanh thu bán hàng (gồm doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau.

1.2.1.4. Phương thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức thanh toán được thực hiện thông qua việc trực tiếp nhập xuất tiền mặt của doanh nghiệp mà không thông qua nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng. Phương thức này thường được sử dụng khi mua là khách hàng nhỏ, mua hàng với số lượng không nhiều...
- Thanh toán bằng chuyển khoản: Là chuyển khoản qua ngân hàng, thanh toán bằng séc, thanh toán bằng Ủy nhiệm chi,...

Đối với trường hợp có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên, khi thanh toán bằng chuyển khoản sẽ được khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

1.2.1.5. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán(phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi,...)
- Hợp đồng kinh tế

1.2.1.6. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 511

❖ Tài khoản sử dụng

Theo điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC để phản ánh đầy đủ về kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán nên sử dụng TK 511

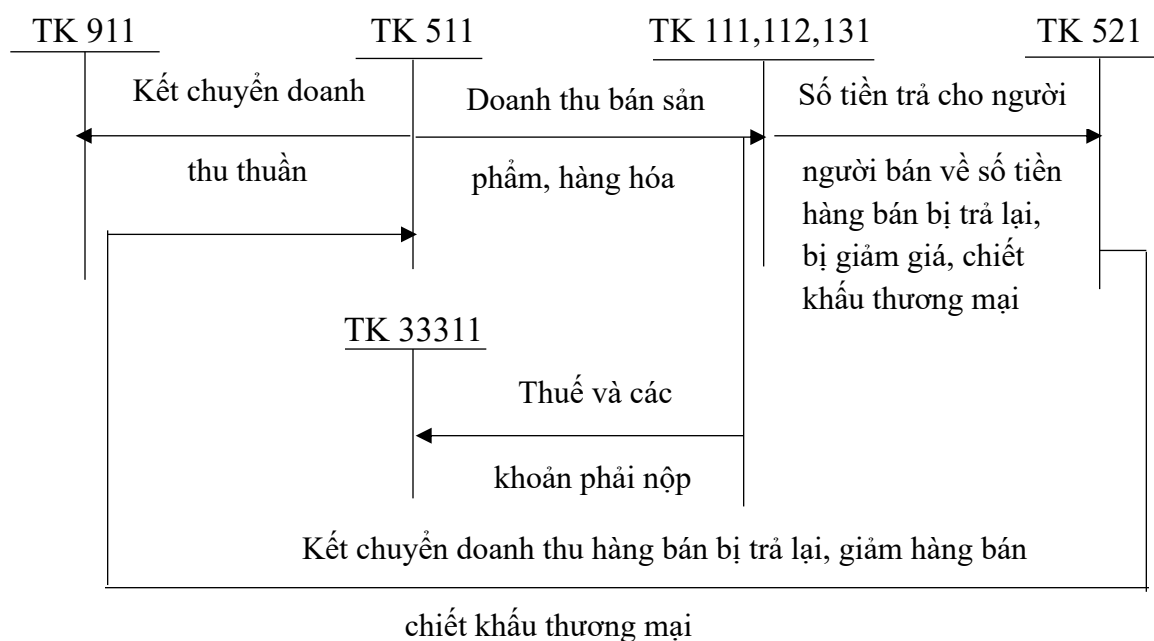
TK 511 có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác
- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

❖ **Kết cấu tài khoản 511**

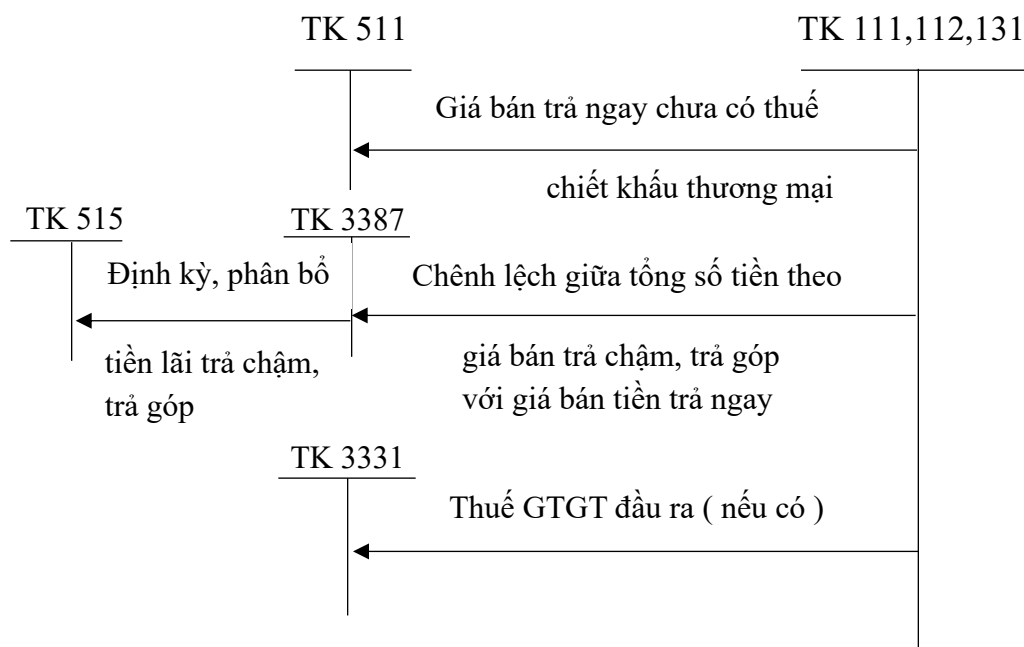
Bên nợ	Bên có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT; TTĐB, thuế xuất khẩu, BVMT - Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại - Kết chuyển sang 911- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ	- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT; TTĐB, thuế xuất khẩu, BVMT - Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại - Kết chuyển sang 911- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ
<i>Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ</i>	

❖ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng

(Tác giả tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

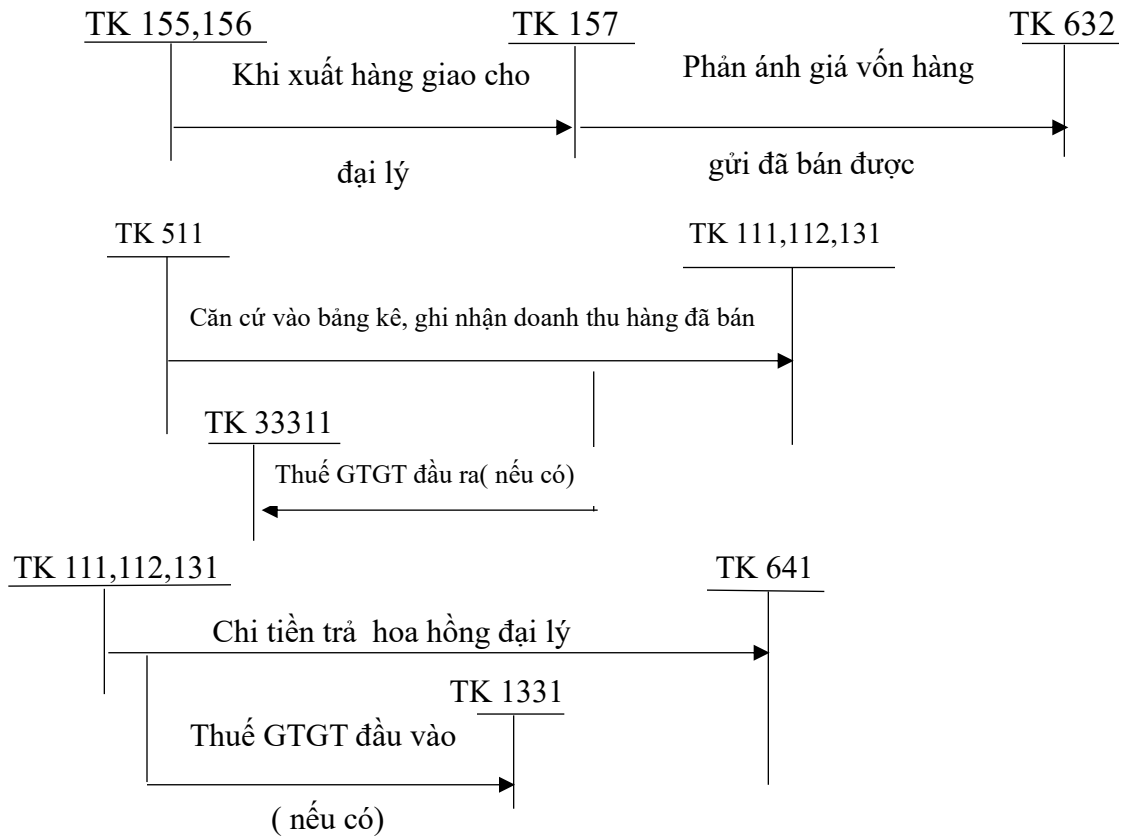


Sơ đồ 1.2: Sơ đồ doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp

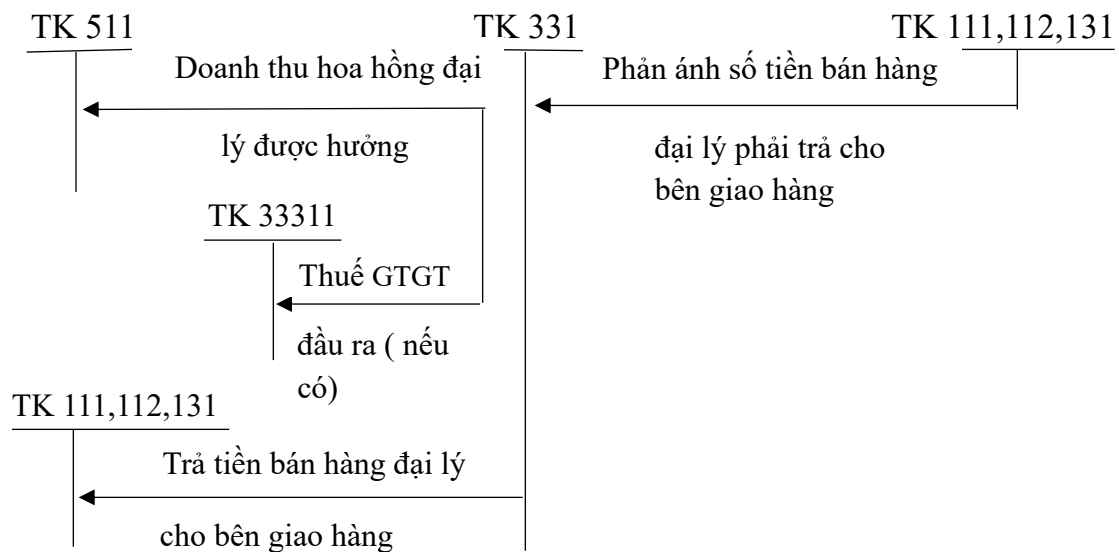
(Tác giả tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

- Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

+ Ở đơn vị giao hàng đại lý



+ Ở đơn vị nhận làm đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ doanh thu bán hàng từ đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được đều làm giảm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận và chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, hay không đáp ứng đủ điều kiện chất lượng như trong hợp đồng đã ký giữa hai bên.

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng mà khách hàng trả lại cho doanh nghiệp khi kinh doanh bán hàng hóa, thành phẩm nhưng bị kém chất, chủng loại,...

1.2.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT có ghi chiết khấu thương mại, bảng kê số hóa đơn cần điều chỉnh

- Hàng hóa bị trả lại: Hóa đơn GTGT, Biên bản hàng trả lại(do đơn vị mua cung cấp), phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại.

- Giảm giá hàng bán: Hóa đơn GTGT, Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán và biên bản điều chỉnh giảm giá.

1.2.2.3. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 521

- Sổ chi tiết TK 5211, TK 5212, TK 5213...

❖ Tài khoản sử dụng

- Theo điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định về hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng TK 521 ‘Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu’

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

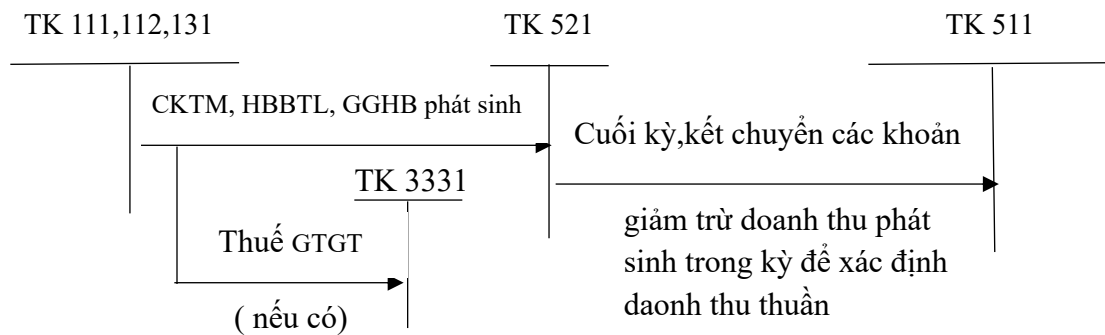
Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2, bao gồm:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Giá trị hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

❖ **Kết cấu tài khoản**

Bên nợ	Bên có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua. - Giá trị hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số phát sinh nợ trong kỳ sang tài khoản 511” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ	

❖ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Tác giả tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Lãi tỷ giá hối đoái(gồm cả lãi do bán ngoại tệ)
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán, đầu tư vào công ty con,...
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ ghi sổ
- Sao kê tiền gửi ngân hàng
- Các giấy tờ khác có liên quan...

1.2.3.3. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 515
- Sổ cái TK 515

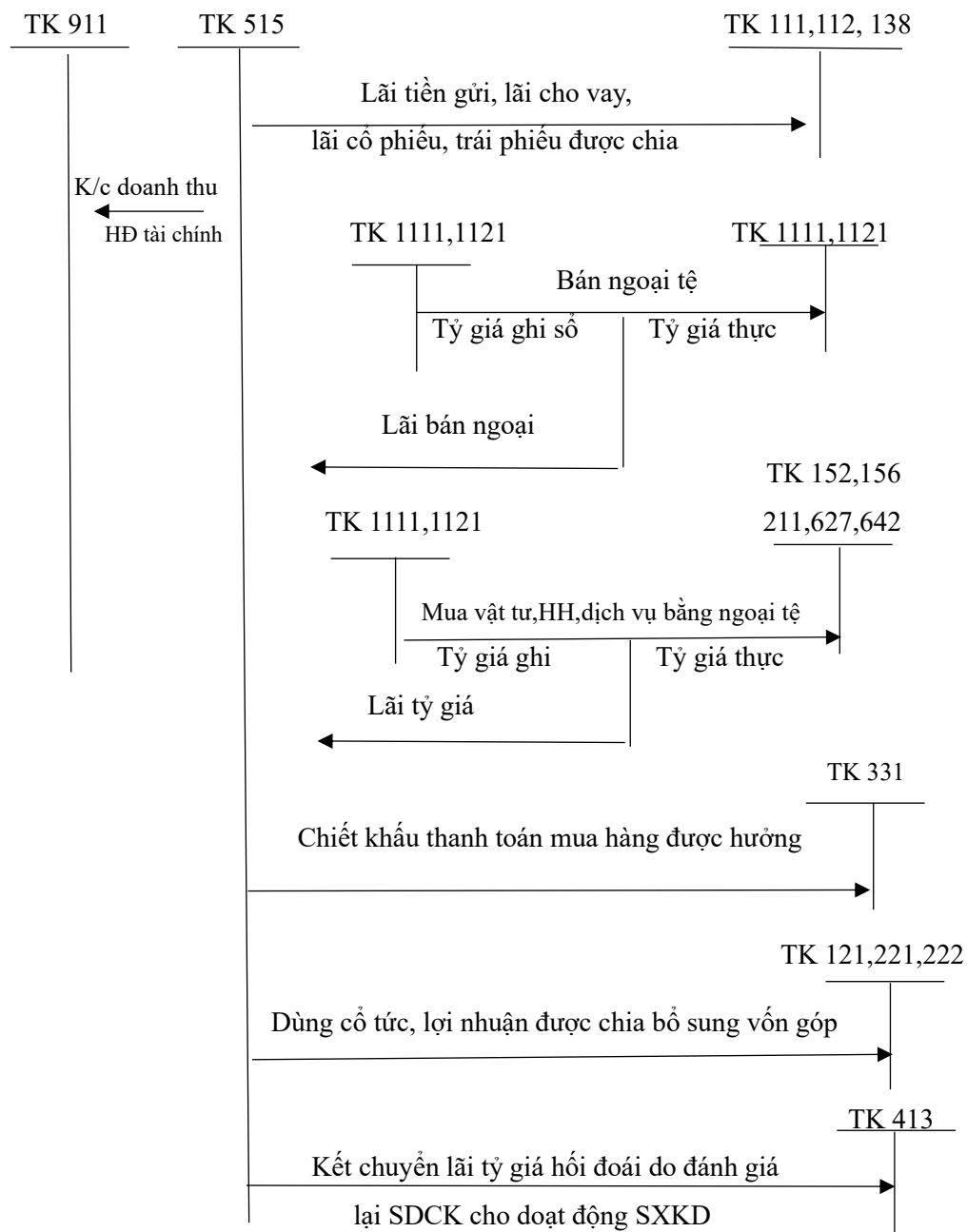
❖ Tài khoản kế toán

Theo thông tư 200/2014-BTC, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

❖ **Kết cấu tài khoản 515**

Bên nợ	Bên có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.	Doanh thu tài chính phát sinh trong năm.
<i>Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.</i>	

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

(Tác giả tự tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.2.4 Kế toán các khoản thu nhập khác

1.2.4.1. Khái niệm

Thu nhập khác là thu nhập ngoài ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ.
- Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoãn lại.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Thu các khoản phải trả không xác định được chủ.
- Thu thập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.2.4.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn, quyết định thanh lý tài sản.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.4.3. Tài khoản và sổ sách kế toán

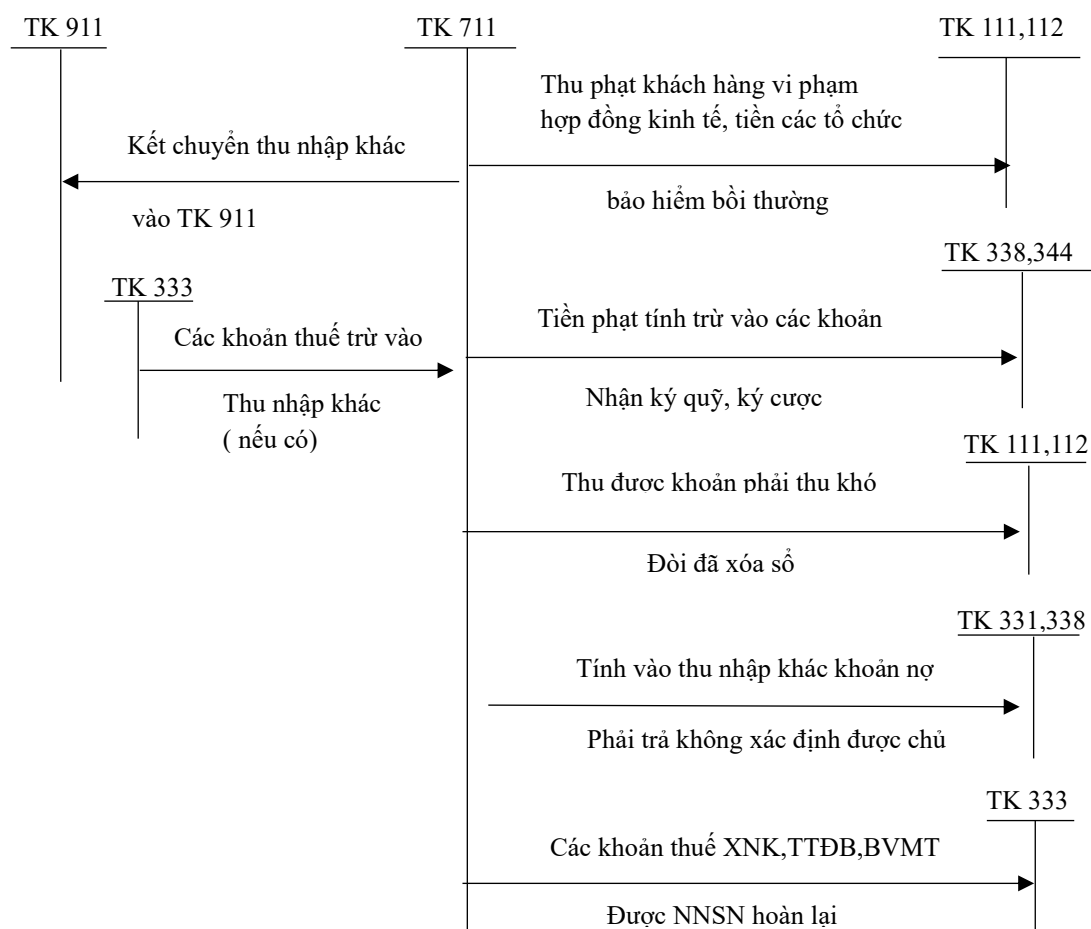
❖ Tài khoản kế toán

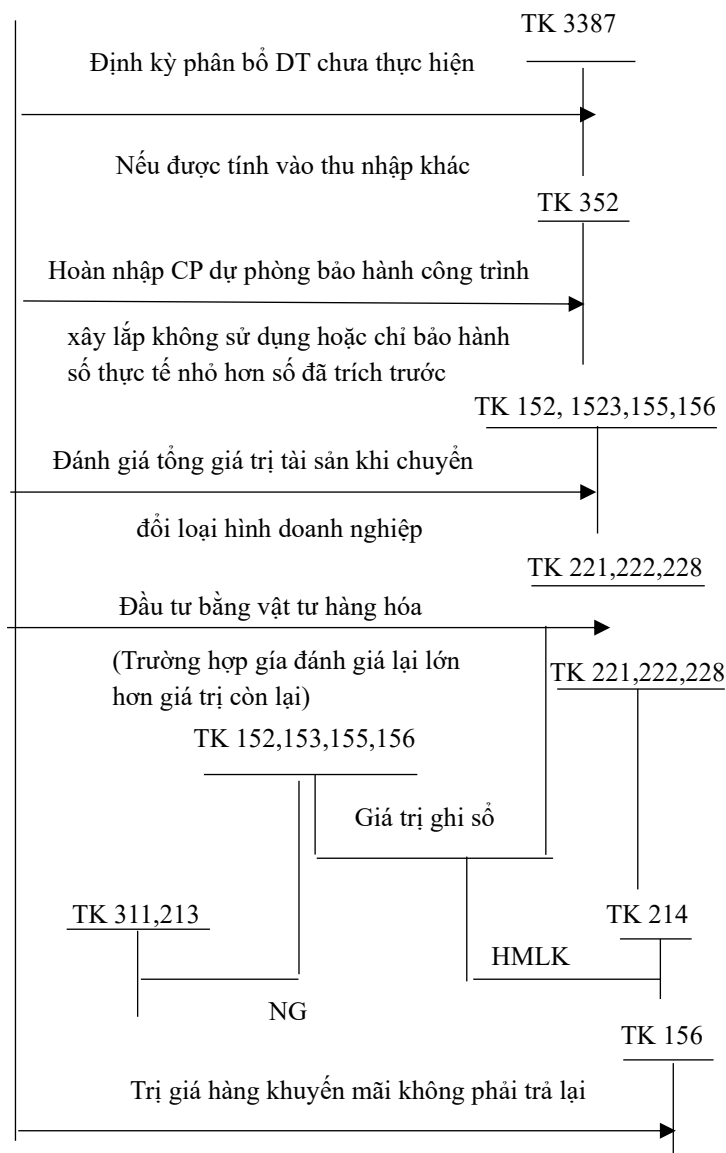
Theo thông tư 200/2012/TT – BTC, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng tài khoản 711 – Thu nhập khác.

❖ **Kết cấu tài khoản 711**

Bên nợ	Bên có
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) của các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ, kết chuyển thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh	- Ghi nhận các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
TK 711 không có số dư cuối kỳ.	

❖ **Phương pháp hạch toán**





Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản thu nhập khác

(Tác giả tự tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.3. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn hàng bán dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho

thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư,...

Các phương pháp tính giá vốn

Điều 23 thông tư 200/TT-BTC, giá vốn hàng bán sẽ được xác định bằng các phương pháp sau:

*** Phương pháp tính theo giá đích danh**

- Theo phương pháp này thì hàng xuất kho thuộc lô nào thì lấy đúng đơn giá mua của lô hàng đó để tính giá mua của hàng xuất kho, kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng tồn kho, từng lần mua vào và đơn giá theo từng hóa đơn của chúng.
- Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định, hàng tồn kho có giá trị lớn và có thể nhận diện được.

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

- Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.
- Phương pháp này áp dụng trong trường hợp giá cả hàng hóa có ổn định hoặc giá của hàng hóa đang trong thời kỳ có xu hướng giảm. Thích hợp cho những doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng có sử dụng nhỏ mà cần thiết như : Mỹ phẩm, thực phẩm,...

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp.

Trong đó, giá đơn vị bình quân được xác định bằng 2 phương pháp:

- Phương pháp bình quân cuối kỳ

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ, công thức tính đơn giá bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại } i = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ} = \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại } i$$

$$\text{Giá thực tế hàng } i \text{ xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng } i \text{ mua vào trong kỳ} - \text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ}$$

- Phương pháp bình quân thời điểm

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ, công thức tính đơn giá bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập ở lần}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập} + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở}}$$

$$\text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} = \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế của hàng } i \text{ sau lần nhập}$$

Giá thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ	=	Giá thực tế hàng i tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị thực tế hàng i mua và nhập kho	-	Giá thực tế hàng i xuất kho
--	---	---	---	--	---	-----------------------------------

1.3.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho, phiếu vật tư, phiếu tính giá thành sản phẩm
- Phiếu nhập kho, biên bản kiểm kê hàng hóa
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.1.3. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ chi tiết nhập xuất tồn kho

❖ Tài khoản kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT – BTC, để phản ánh giá vốn hàng bán, dịch vụ bán trong kỳ, kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ

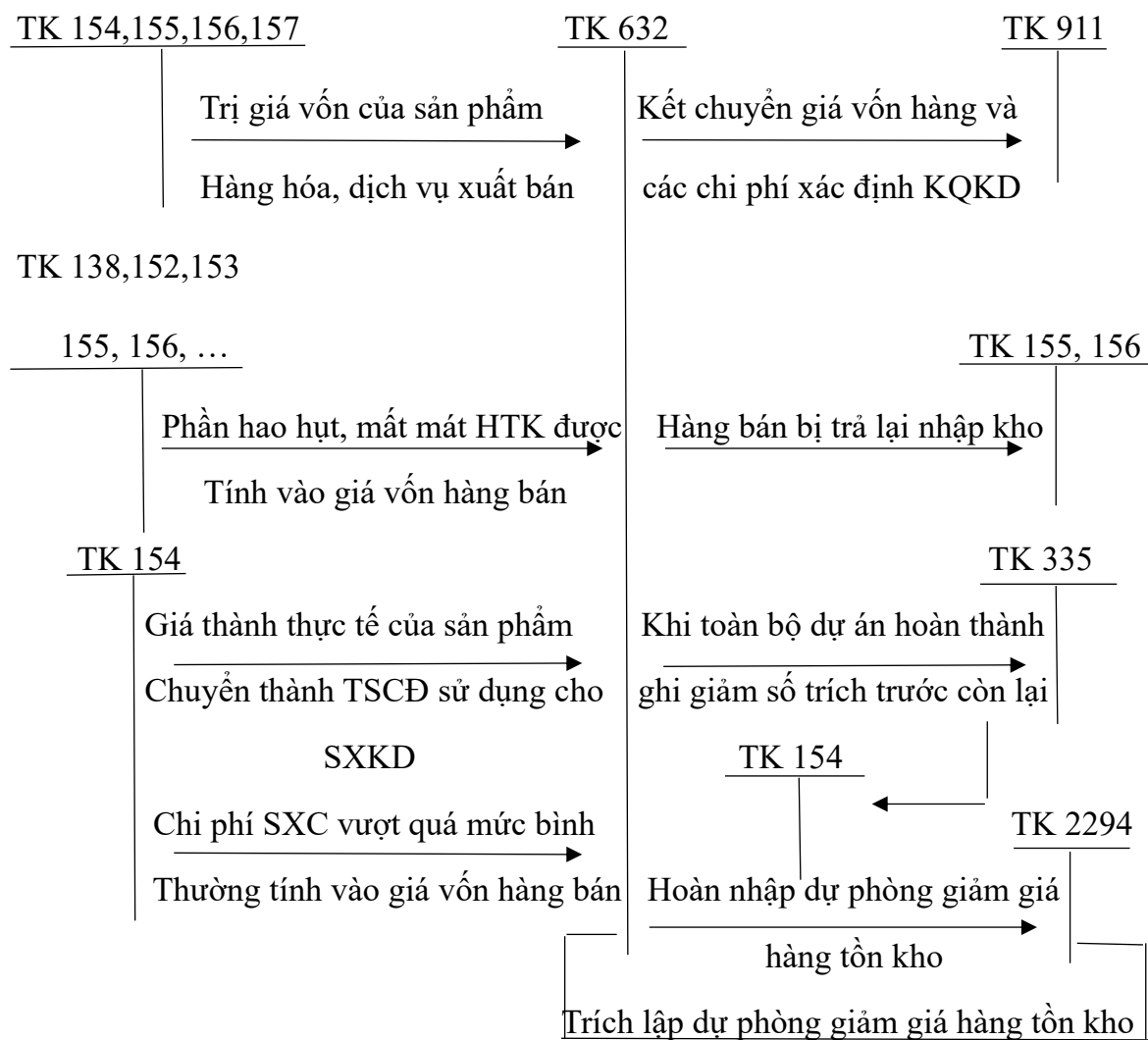
- Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho, của vật liệu, hoàn thành thành phẩm trên sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập hoặc xuất.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ: Là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ sách kế toán tổng hợp từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ.

❖ Kết cấu tài khoản 632

Bên nợ	Bên có
Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ

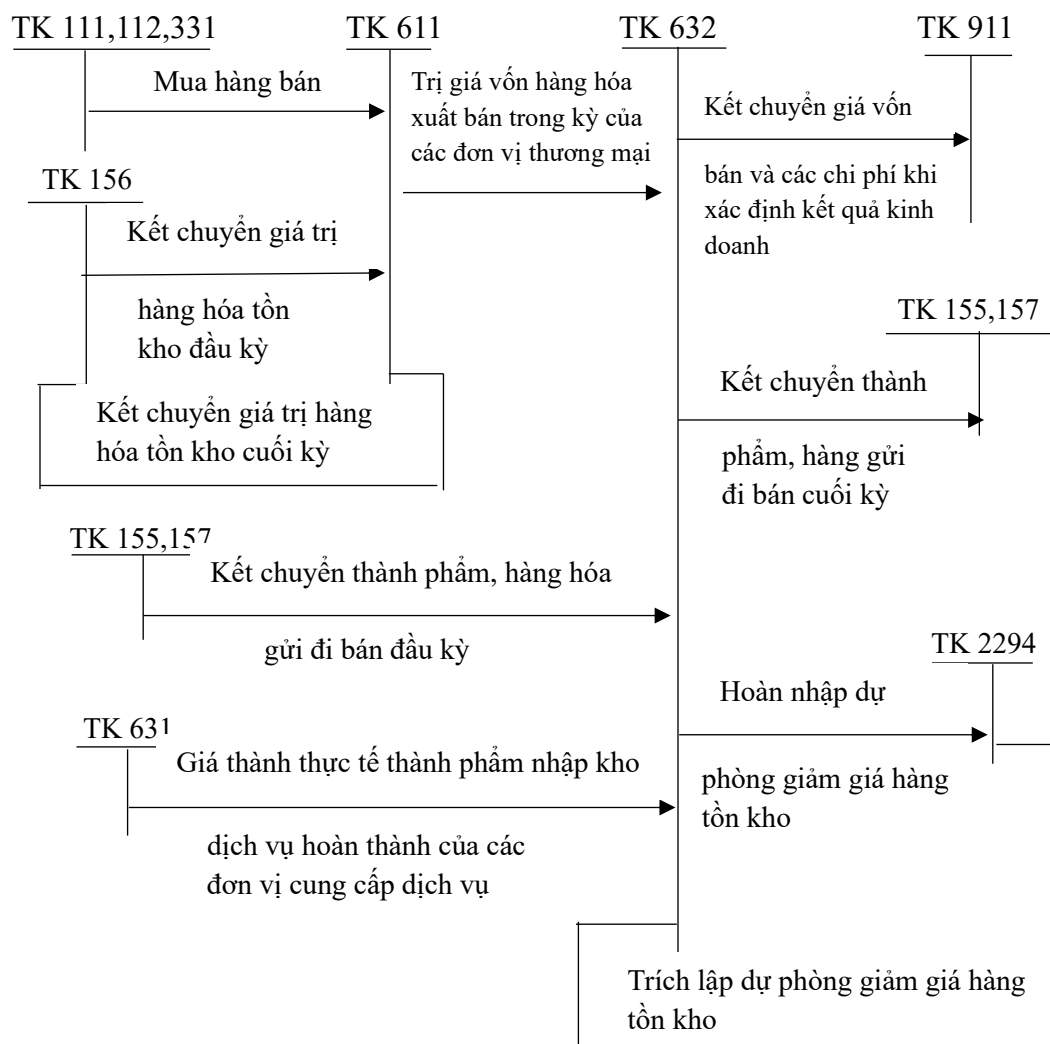
và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh: - Số khấu hao BĐS đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ. - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư. - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ. - Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ. - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ. - Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.	để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh). - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
<i>Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.</i>	

❖ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

(Tác giả tự tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

(Tác giả tự tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Khái niệm

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập. Chi phí tài chính bao gồm:

Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuế tài sản thuê tài chính, các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán,...

1.3.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

1.3.2.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 635
- Sổ chi tiết TK 635

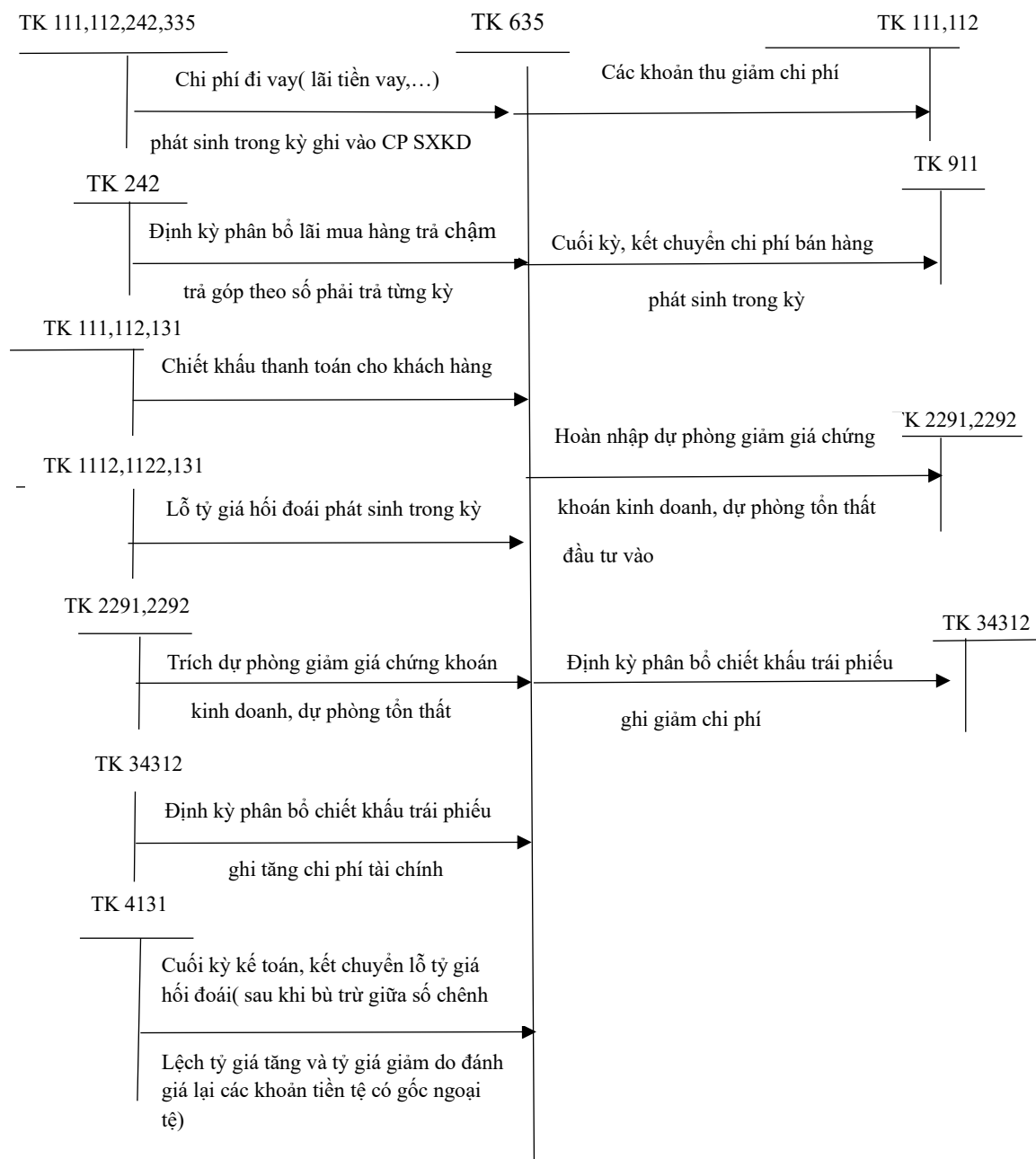
❖ Tài khoản kế toán

- Theo điều 90 thông tư 200/2014/TT-BTC để phản ánh tài khoản chi phí tài chính kế toán sử dụng tài khoản 635 '*Chi phí tài chính*'

❖ **Kết cấu tài khoản 635**

Bên nợ	Bên có
Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. + Lỗ bán ngoại tệ. + Chiết khấu thanh toán cho người mua. + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. + Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
<i>Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.</i>	

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

(Tác giả tự tổng hợp dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng

1.3.3.1. Khái niệm

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, công cụ dụng cụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí đóng gói, bảo hành sản phẩm, hàng hóa (ngoại trừ hoạt động xây lắp), hoa hồng bán hàng, vận chuyển hàng hóa,...

1.3.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi
- Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương,...
- Các chứng từ liên quan

1.3.3.3. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 641
- Sổ chi tiết TK 641

❖ Tài khoản kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT – BTC, để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong một kỳ, kế toán sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng.

Tài khoản 641, bao gồm 7 tài khoản cấp 2

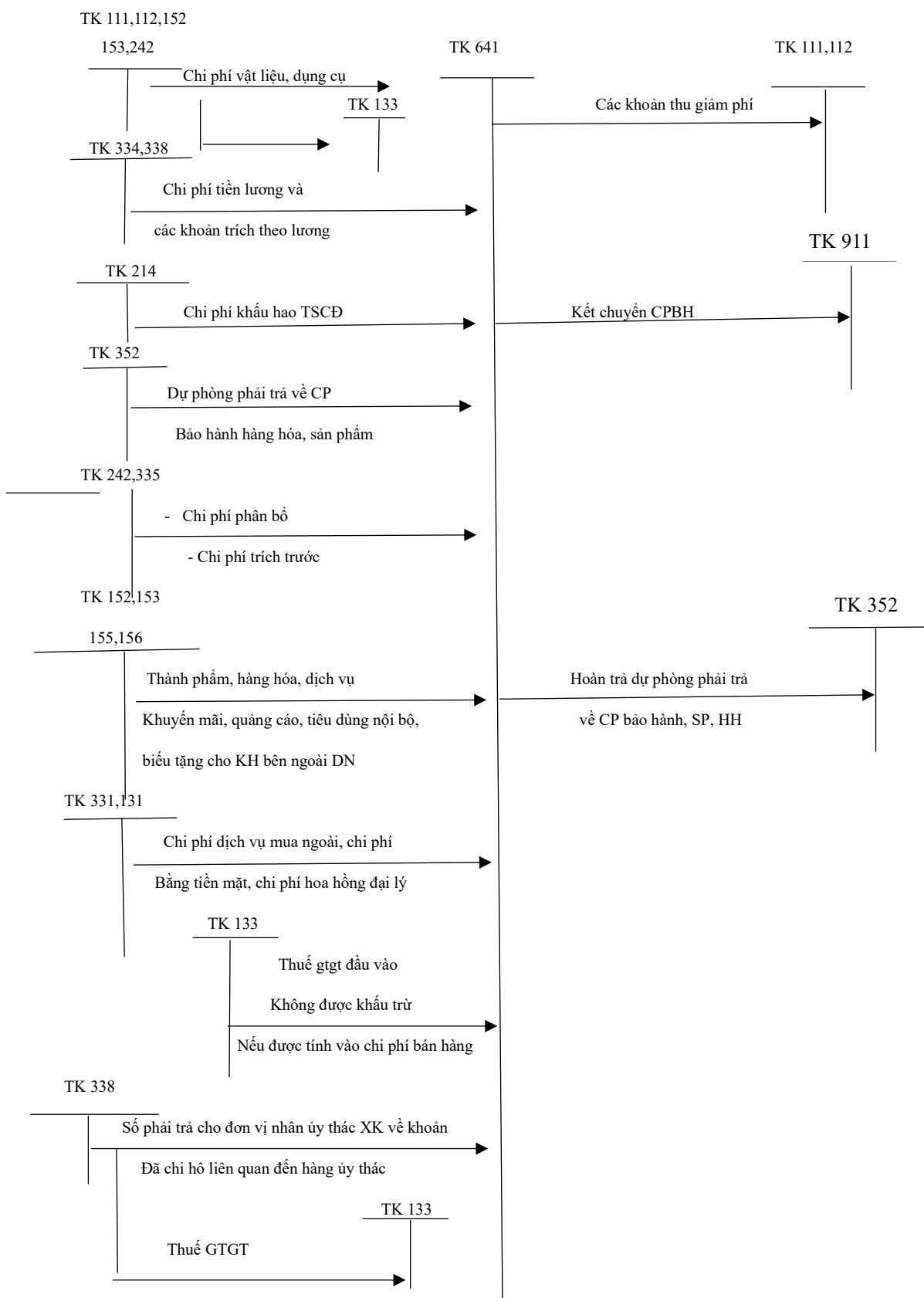
- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ **Kết cấu tài khoản 641**

Bên nợ	Bên có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 (Xác định kết quả kinh doanh) để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
<i>Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.</i>	

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

(Tác giả tự tổng hợp dựa theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4.1. Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, các khoản phụ cấp,...) BHXH, BHYT, BHTN, KPCD của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

1.3.4.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan.

1.3.4.3. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết các TK 642
- Các sổ kế toán liên quan

❖ Tài khoản kế toán

Theo điều 92 thông tư 200/2014/TT-BTC, doanh nghiệp sử dụng TK 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có liên quan.

Chi phí 642 có 8 tài khoản cấp 2

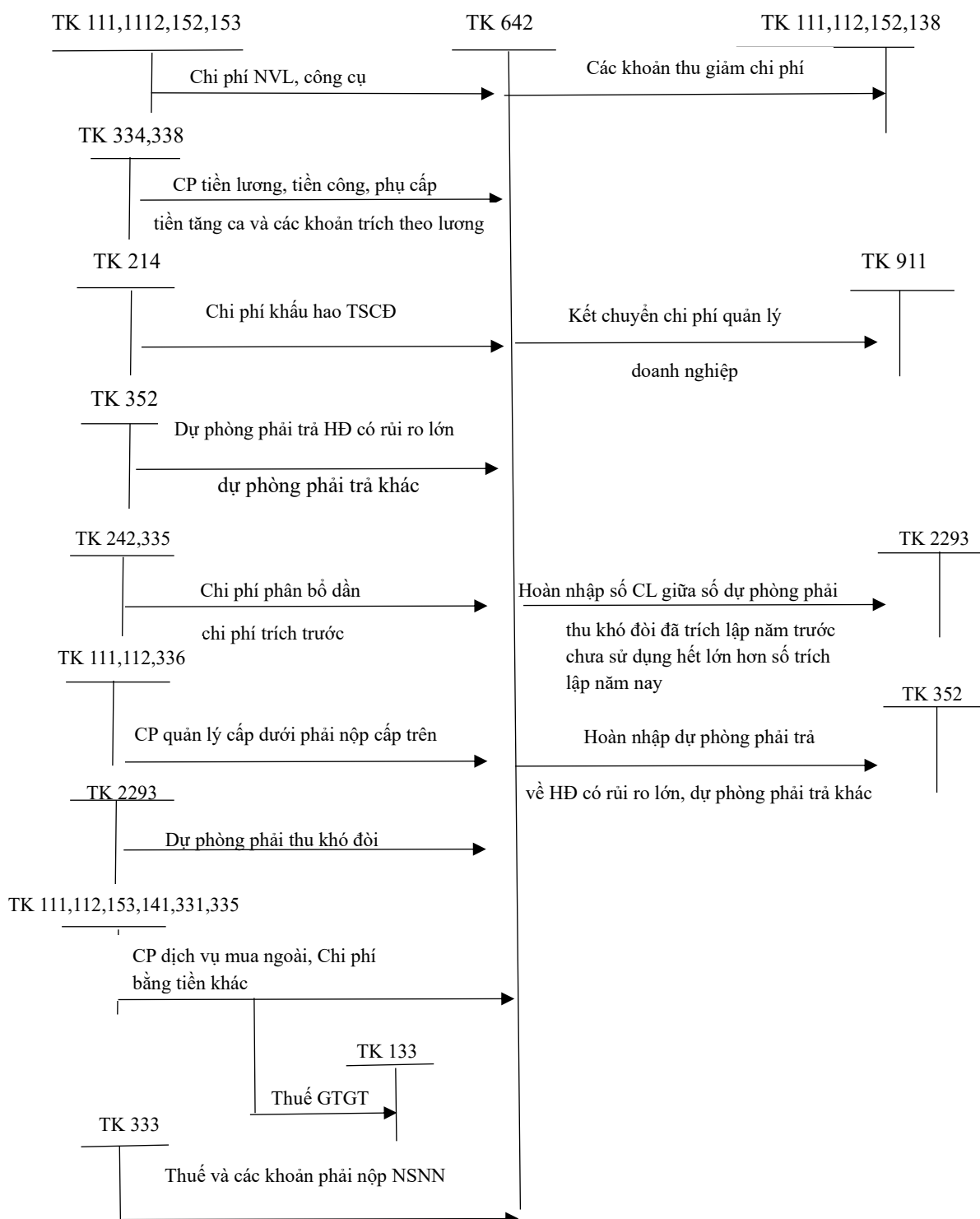
- Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý

- Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác
- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

❖ **Kết cấu tài khoản 642**

Bên nợ	Bên có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 (Xác định kết quả kinh doanh).
<i>Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.</i>	

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

(Tác giả tự tổng hợp dựa theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.3.5. Kế toán chi phí khác

1.3.5.1. Khái niệm

Chi phí khác bao gồm các khoản lỗ phát sinh, hoặc những chi phí phát sinh từ các hoạt động như thanh lý, nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý, chênh lệch, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng,...

1.3.5.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.5.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 811
- Sổ chi tiết TK 811
- Các sổ kế toán liên quan khác

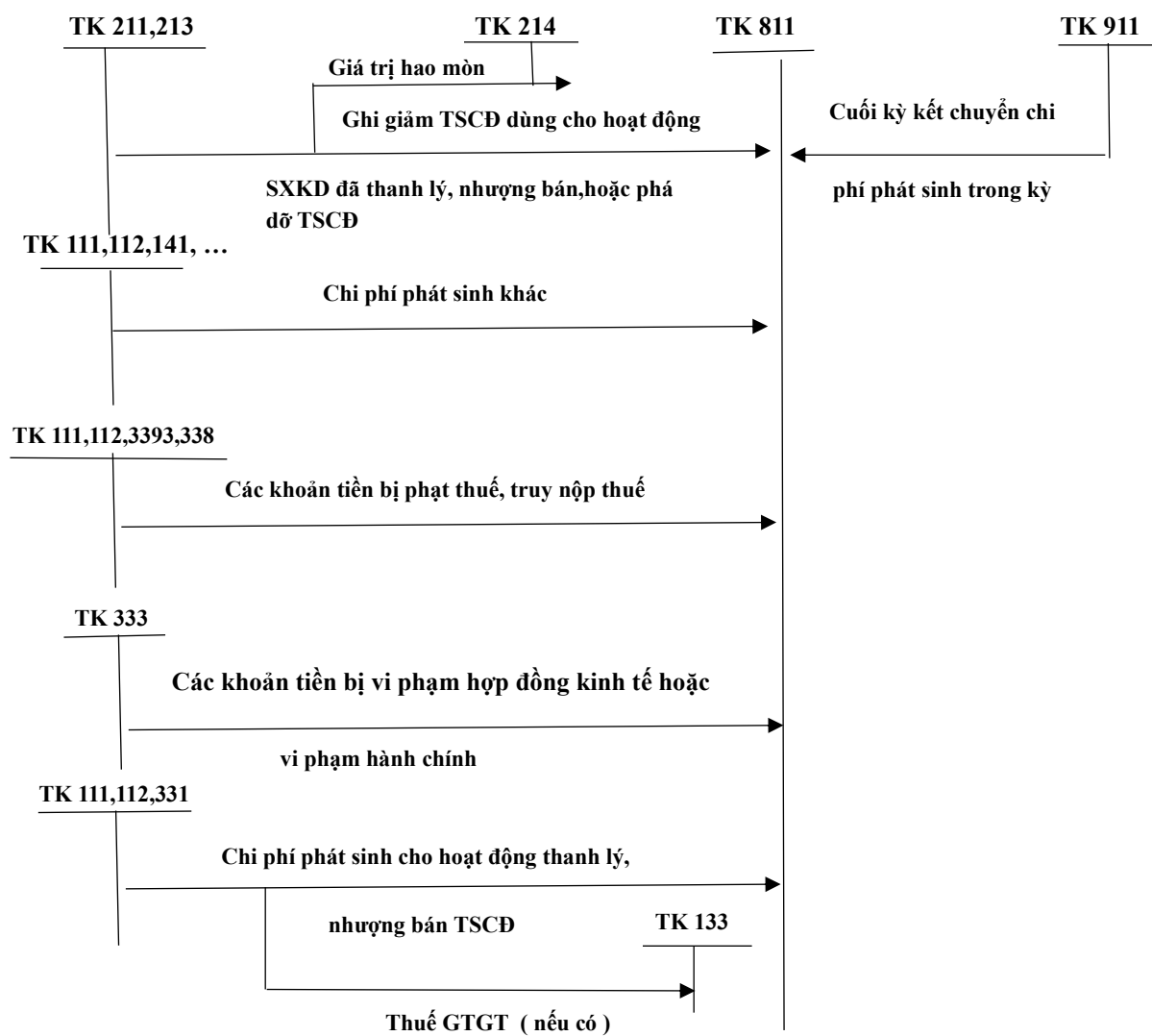
❖ Tài khoản kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT – BTC, để phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác.

❖ Kết cấu TK 811

Bên nợ	Bên có
- Ghi nhận các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Vào cuối kỳ, toàn bộ các chi phí phát sinh sẽ được kết chuyển sang tài khoản 911 (để xác định kết quả kinh doanh).
<i>Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ</i>	

❖ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

(Tác giả tự tổng hợp dựa theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4.1.1. Khái niệm

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản ngày là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay được thực hiện theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Nội dung liên quan được quy định trực tiếp tại Điều 95 – Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”, hướng dẫn việc phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại phát sinh trong kỳ kế toán.

- Công thức xác định chi phí thuế TNDN hiện hành như sau:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế * Thuế suất thuế TNDN hiện hành

- Nếu doanh nghiệp có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì tính như sau:

Thuế TNDN Phải nộp	= [Thu nhập tính thuế	- Phần trích lập quỹ KH & CN	] × Thuế suất thuế TNDN hiện hành
--------------------	------------------------	------------------------------	-----------------------------------

- Thu nhập tính thuế được tính theo công thức sau:

Thu nhập tính thuế	= Thu nhập chịu thuế	- [Thu nhập được miễn thuế	+ Các khoản lỗ được kết chuyển	]
--------------------	----------------------	-----------------------------	--------------------------------	---

- Thu nhập chịu thuế được tính theo công thức sau:

Thu nhập chịu thuế	= [Doanh thu – Chi phí được trừ] + Các khoản thu nhập khác
--------------------	--

1.4.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo nợ
- Tờ khai quyết thuế TNDN

- Các chứng từ liên quan khác.

1.4.1.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 821
- Sổ chi tiết TK 821
- Các sổ kế toán liên quan khác

❖ Tài khoản kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT – BTC, để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, kế toán sử dụng tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tài khoản 821, bao gồm 2 tài khoản cấp 2:
- + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- + TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ Kết cấu tài khoản

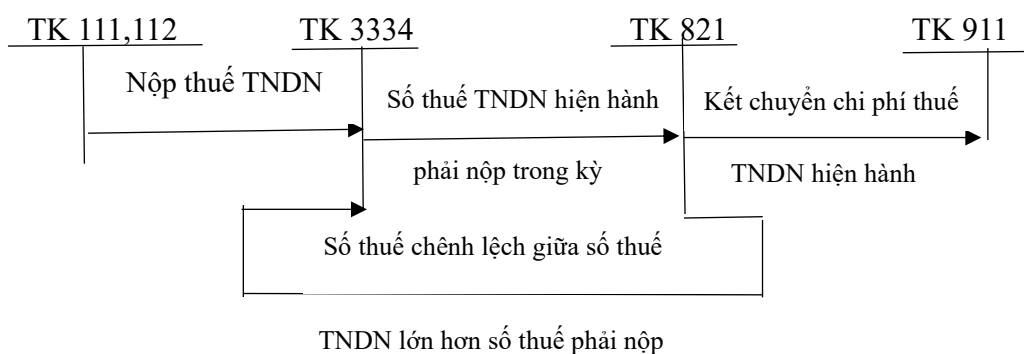
Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Bên nợ	Bên có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ. - Số thuế TNDN bổ sung của các năm trước do phát hiện sai sót không trọng yếu, được ghi tăng vào chi phí hiện hành của năm hiện tại. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại, bao gồm phần thuế hoãn lại phải trả phát sinh trong kỳ lớn hơn phần được hoàn nhập, và phần hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại từ các năm trước lớn hơn tài sản phát sinh mới trong năm. - Kết chuyển chênh lệch nếu phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn bên Nợ trong kỳ – số này được chuyển vào bên Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.	- Số thuế TNDN thực tế thấp hơn số tạm nộp trong năm, phần chênh lệch được ghi giảm chi phí thuế thu nhập hiện hành. - Khoản thuế TNDN được điều chỉnh giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu từ các kỳ trước. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại trong hai trường hợp: - Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh lớn hơn số hoàn nhập; - Thuế hoãn lại phải trả được hoàn nhập lớn hơn phần phát sinh mới. - Kết chuyển chênh lệch nếu chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ lớn hơn phần được giảm, chuyển vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

	- Đồng thời, nếu phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn bên Có, số chênh lệch này được chuyển vào bên Nợ TK 911.
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.	

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(Tác giả tự tổng hợp dựa theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.4.2. Kết quả xác định kết quả kinh doanh

1.4.2.1. Khái niệm

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả cuối cùng về tiêu thụ sản phẩm, là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán. Cuối mỗi kỳ, kế toán xác định kết quả kinh doanh trong kỳ từ việc tổng hợp kết quả kinh doanh của các hoạt động trong doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác, được xác định công thức:

Tổng lợi nhuận trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
---------------------------	---	---	---	----------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} &= \text{Lợi nhuận gộp từ BH \& CCDV} + \text{DT hoạt động tài chính} \\ &\quad - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý DN} \end{aligned}$$

Trong đó :

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} = \text{Doanh thu BH \& CCDV} - \text{Giá vốn hàng hóa và dịch vụ}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} = \text{Doanh thu BH \& CCDV} - \text{Giá vốn hàng hóa và dịch vụ}$$

$$\text{Doanh thu thuần BH \& CCDV} = \text{Doanh thu bán hàng thực tế} - \text{Các khoản giảm trừ DT}$$

1.4.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan khác

1.4.2.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết TK 911
- Sổ cái TK 911

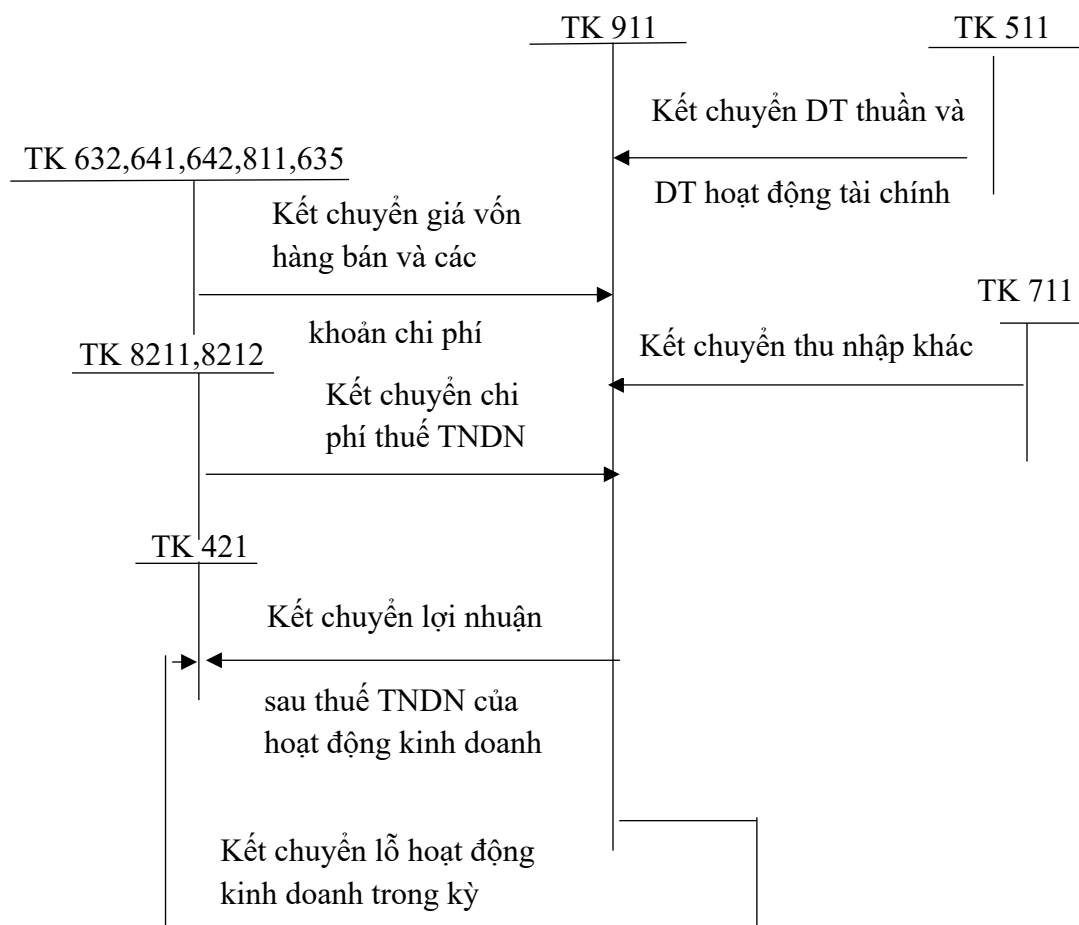
❖ Tài khoản kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong 1 kỳ, kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Kết cấu tài khoản 911**

Bên nợ	Bên có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ	

❖ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.5. Sự chuyển đổi chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99.

Tiêu chí	TT200/2014/TT-BTC (Doanh nghiệp)	TT99/2014/TT-BTC (Đơn vị HCSN)
Cơ sở ghi nhận	Dồn tích: Ghi nhận khi phát sinh giao dịch, không phân biệt đã thu tiền hay chưa.	Dồn tích: Chuyển dịch mạnh mẽ sang dồn tích. Doanh thu dịch vụ phải ghi nhận khi hoàn thành, không đợi đến khi thu được tiền.
Hệ thống tài khoản Doanh thu/Thu nhập	- TK 511: Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ - TK 515: Doanh thu tài chính - TK 711: Thu nhập khác	- TK 511: Thu từ NSNN cấp - TK 512: Thu viện trợ, vay nước ngoài - TK 514: Thu hoạt động SXKD, dịch vụ(tương đương 511 của TT200) - TK 515: Thu hoạt động tài chính - TK 711: Thu nhập khác
Ghi nhận doanh thu nhận trước	Sử dụng TK 3387 để treo doanh thu chưa thực hiện(ví dụ: khách hàng trả tiền trước cho nhiều kỳ).	Bổ sung chi tiết TK 3387: Áp dụng chặt chẽ cho các khoản thu học phí, phí dịch vụ thu trước cho nhiều năm/kỳ để phân bổ dần.
Xác định kết quả kinh doanh (TK 911)	Kết chuyển toàn bộ doanh thu (511,515) và thu nhập (711) đối ứng với giá vốn, chi phí quản lý, chi phí khác.	Tách biệt dòng kết chuyển: TK 911 được chi tiết để xác định riêng thặng dư/thâm hụt của hoạt động NSNN cấp và hoạt động SXKD, dịch vụ.
Chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động	Lợi nhuận (lãi/lỗ): Kết chuyển vào TK 421.	Thặng dư/thâm hụt: Kết chuyển vào TK 421. Cách xử lý thặng dư phụ thuộc vào quy chế tài chính của đơn vị sự nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO

2.1. Tổng quan về công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Tạo

2.1.1. Tổng quan về công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Tạo

Tên đầy đủ: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO

Tên viết tắt: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Tạo

Địa chỉ: Số 8/11 Đặng Dung – Phường Nam Đông Hà – Tỉnh Quảng Trị

Mã số thuế: 3200228529

Người đại diện: Hồ Viết Tạo – Giám đốc

Ngày hoạt động: 08/12/2005

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Quản lý bởi: Cơ quan thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo chính thức đi vào **hoạt động từ ngày 16/12/2005**, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan thuế quản lý trực tiếp là **Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị cấp**. Công ty được thành lập trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, nhu cầu lưu thông hàng hóa và cung ứng dịch vụ trên thị trường ngày càng gia tăng.

Ngay từ khi thành lập, công ty lựa chọn **loại hình doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**, phù hợp với quy mô vốn và định hướng phát triển lâu dài.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Tạo đang kinh doanh các ngành nghề như sau:

Bảng 2.1: Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của công ty

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Buôn bán lẻ thực phẩm cho các cửa hàng chuyên doanh như: bánh kẹo, nước giặt, sữa, ...	4722
2	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	2396
3	Hoàn thiện công trình xây dựng: đá lát sàn, đá granite	4330
4	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

(Nguồn: Hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty)

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ

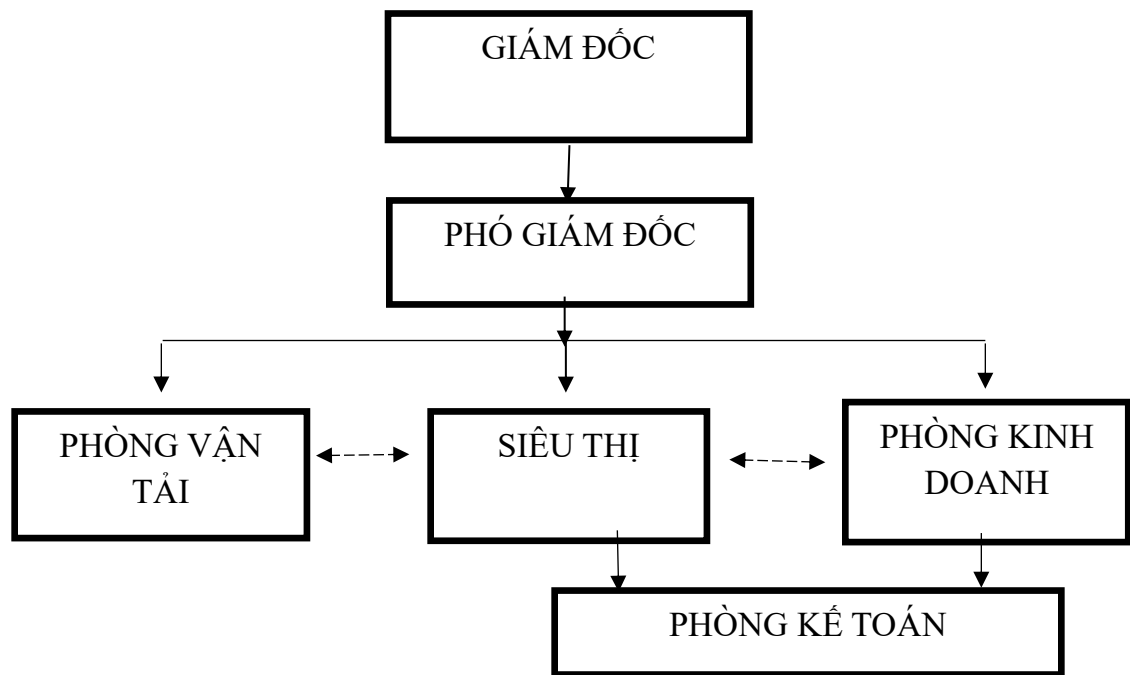
2.1.3.1. Chức năng

- Tổ chức hoạt động kinh doanh và phân phối các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của người tiêu dùng, đáp ứng thị hiếu của thị trường.
- Cung cấp các nhu yếu phẩm thiết yếu cho cuộc sống. Ngoài ra còn tạo điều kiện và việc làm cho công nhân.

2.1.3.2. Nhiệm vụ

- Vì là công ty chuyên phân phối thực phẩm nên việc đảm bảo an toàn thực phẩm và tuân thủ các quy định của pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu.
- Không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, thực hiện các chính sách giá, khuyến mãi và dịch vụ chăm sóc khách hàng có hiệu quả.
- Ngoài ra, công ty còn có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước như nộp thuế, tuân thủ quy định pháp luật, bảo vệ môi trường đang quản lý, góp phần cho sự phát triển chung của cộng đồng.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TMDV Tân Tạo

Ghi chú: → : Quan hệ trực tiếp

 <---> : Quan hệ gián tiếp

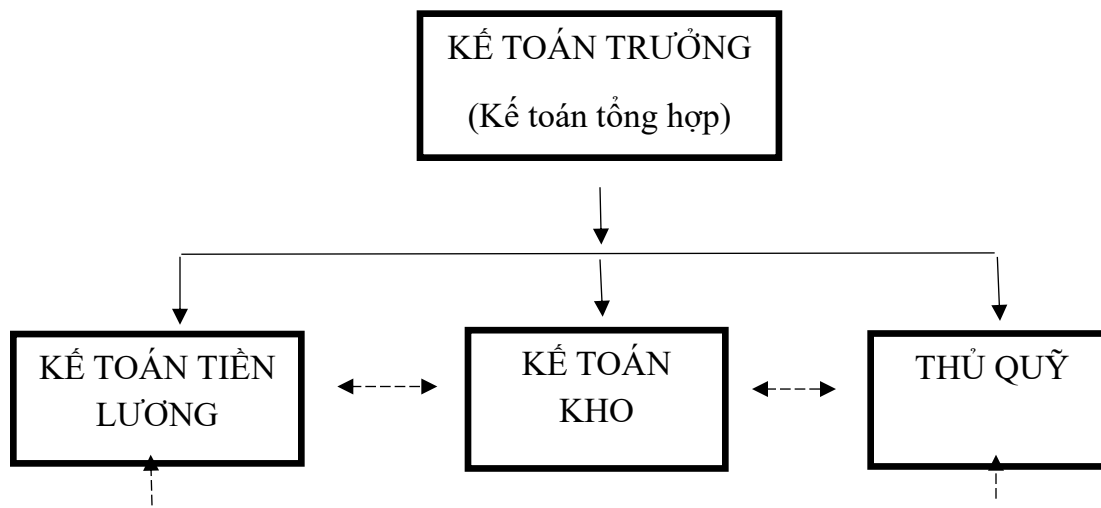
Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- Giám đốc: Là người đứng đầu, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty nhằm đạt được mục tiêu hiệu quả và phát triển bền vững. Ngoài ra, giám đốc còn chịu trách nhiệm tổ chức, phân công và giám sát công việc của các phòng ban, đảm bảo cho các hoạt động diễn ra hiệu quả và thống nhất. Bên cạnh đó, giám đốc còn là người đại diện trước pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm trước nhà nước, đối tác và người lao động về toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp.

- Phó giám đốc: Là người hỗ trợ giám đốc trong việc quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động của công ty. Ngoài ra, phó giám đốc cũng là người đại diện giám đốc điều hành công việc khi giám đốc vắng mặt, đảm bảo sự liên tục và ổn định cho hoạt động của công ty.

- Phòng kinh doanh: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển thị trường thu thập các thông tin về nhu cầu và xu hướng tiêu dùng của khách hàng. Phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ và tìm kiếm thêm những khách hàng mới, giải quyết khiếu nại đảm bảo sự hài lòng của khách hàng.
- Siêu thị: Siêu thị đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ giữa nhà phân phối và người tiêu dùng. Siêu thị thu mua, dự trữ và bày bán hàng hóa phong phú giúp người tiêu dùng dễ dàng mua được các sản phẩm theo nhu cầu. Bên cạnh đó, siêu thị còn phải đảm bảo chất lượng, hạn sử dụng và vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt với các sản phẩm như sữa, bánh kẹo mà công ty đang phân phối. Bên cạnh đó, siêu thị còn thu thập ý kiến khách hàng, nắm bắt xu hướng tiêu dùng và phản hồi cho nhà cung cấp để điều chỉnh giá cả, chính sách phù hợp.
- Phòng vận tải: Phòng vận tải đóng vai trò là chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Phòng vận tải tổ chức vận chuyển hàng hóa, phân công tài xế để đảm bảo tiến độ cung ứng. Phòng vận tải chịu trách nhiệm thực hiện bảo dưỡng kiểm tra kỹ thuật, luôn luôn để phương tiện ở trạng thái hoạt động tốt nhất và đáp ứng yêu cầu an toàn giao thông.
- Phòng kế toán: Phòng kế toán là bộ phận quan trọng nhất của công ty có nhiệm vụ ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như: mua hàng, bán hàng, doanh thu, tiền lương theo đúng quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH TMDV Tân Tạo

Ghi chú: $\longrightarrow$: Quan hệ chỉ đạo

$\longleftrightarrow$: Quan hệ hỗ trợ

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

- Kế toán trưởng: Theo dõi tình hình tài chính của công ty, tổ chức quản lý điều hành toàn bộ công tác kế toán của phòng đảm bảo tính trung thực, minh bạch và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng là người giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản chi phí và doanh thu nếu có sai sót, vi phạm để kịp thời xử lý phù hợp.
- Kế toán tiền lương: có nhiệm vụ theo dõi chính xác các khoản liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động trong doanh nghiệp. Ngoài ra, kế toán còn thu thập các thông tin về thời gian làm việc và năng suất lao động làm căn cứ để làm bảng tính lương, thưởng và các khoản phụ cấp cho nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.
- Kế toán kho: có nhiệm vụ theo dõi và quản lý tình hình xuất, nhập, tồn kho của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo việc sử dụng, bảo quản và phân phối hàng hóa có hiệu quả. Kế toán kho là bộ phận quan trọng trong công tác quản lý tài sản của doanh nghiệp.

- Thủ quỹ: Thủ quỹ là người trực tiếp quản lý thu-chi tiền trong doanh nghiệp, đảm bảo việc sử dụng tiền có mục đích và hiệu quả. Thủ quỹ đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý tài chính ngắn hạn, giúp doanh nghiệp đảm bảo nguồn tiền, kiểm soát tốt các khoản thu chi và duy trì tính minh bạch trong hoạt động tài chính.

2.1.6. Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

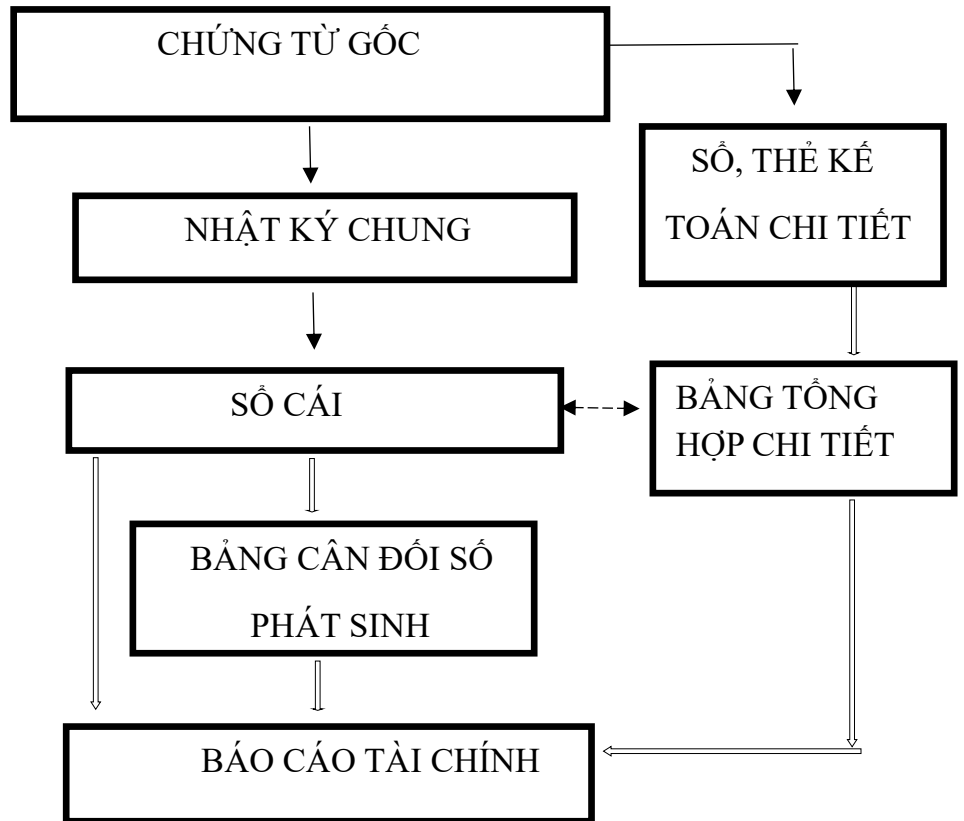
2.1.6.1. Chính sách và chế độ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 trùng với năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Việt Nam Đồng (VNĐ)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng phương pháp tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

2.1.6.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức nhật ký chung với phần mềm MISA. Hằng ngày kế toán dựa vào các chứng từ kế toán, tiến hành kiểm tra sau khi xử lý nghiệp vụ sẽ tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Vào mỗi cuối tháng, cuối quý, cuối năm số liệu được tổng hợp vào bảng Cân Đối Kế Toán. Sau khi kiểm tra số liệu đã trùng khớp với sổ chi tiết và sổ cái sẽ tiến hành lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú: $\longrightarrow$: ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$: ghi cuối kỳ
 $\longleftrightarrow$: đối chiếu, kiểm tra

2.1.6.3. Các phần hành kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

- Kế toán vốn bằng tiền: Theo dõi tình hình thu – chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của công ty.
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả: Phản ánh tình hình mua hàng hóa, dịch vụ và thanh toán với nhà cung cấp.
- Kế toán bán hàng và doanh thu: Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

- Kế toán công nợ phải thu khách hàng: Theo dõi tình hình bán chịu và thu hồi công nợ khách hàng.
- Kế toán hàng tồn kho: Theo dõi nhập – xuất – tồn kho hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Kế toán chi phí và giá vốn: Tập hợp chi phí phát sinh và xác định giá vốn hàng bán.
- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Theo dõi tiền lương và các khoản trích nộp theo quy định cho người lao động.
- Kế toán thuế: Theo dõi và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.
- Kế toán xác định kết quả kinh doanh: Xác định doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

2.2.1.1. Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

- Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng. Công ty không trực tiếp sản xuất, hàng hóa được mua từ nhà cung cấp và bán lại, số lượng tồn kho không lớn, chủ yếu nhập – xuất theo đơn hàng. Doanh thu phát sinh từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, được ghi nhận thông qua hóa đơn giá trị gia tăng.
- Việc thanh toán giữa công ty và khách hàng chủ yếu bằng chuyển khoản, nhiều trường hợp khách hàng thanh toán sau nên kế toán phải theo dõi công nợ thường xuyên. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh chủ yếu là chi phí mua hàng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Do quy mô công ty không lớn, bộ máy tổ chức gọn nhẹ nên các bộ phận phối hợp trực tiếp với nhau trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng thương mại

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 511

- Sổ chi tiết tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng
- Sổ chi tiết tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Sổ chi tiết tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Sổ cái tài khoản 511

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Khi khách hàng Hộ kinh doanh Hoa Hải có nhu cầu đặt hàng và gửi đơn hàng đến công ty. Bộ phận bán hàng sẽ tiếp nhận đơn hàng, kế toán kho sẽ kiểm tra xem số lượng hàng hóa trong kho có đủ để cung cấp cho khách hàng hay không. Nếu đã đủ số lượng nhân viên bán hàng sẽ gọi điện xác nhận đơn hàng cũng như ngày giao hàng cho khách hàng. Kế toán sẽ tiến hành lập 2 phiếu xuất kho một phiếu sẽ lưu tại bộ phận, 1 phiếu còn lại chuyển cho kho. Tại kho, nhân viên kho sẽ xuất đúng số lượng, mẫu mã, chủng loại theo đơn đặt hàng, sau đó ký xác nhận là đã xuất đủ hàng hóa. Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho đã ký lập hóa đơn GTGT trên phần mềm điện tử, xuất 1 liên đưa cho nhân viên vận chuyển, 1 liên lưu lại tại bộ phận để theo dõi công nợ của khách hàng. Khách hàng sẽ trả tiền theo hai hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Ví dụ 1 : Vào ngày 05/12/2025 công ty xuất hàng cho khách hàng Hộ kinh doanh Hoa Hải. Khách hàng chưa thanh toán, Tổng giá trị của đơn hàng đã bao gồm thuế GTGT 8% là 2.859.840 đồng.

Ví dụ 2: Vào ngày 27/11/2025 công ty xuất hàng cho khách hàng Ngô Thị Bạch Yến. Khách hàng chưa thanh toán, Tổng giá trị của đơn hàng đã bao gồm thuế GTGT 8% là 2.516.535 đồng.

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) BẢN THẺ HIỂN CỬA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ (ELECTRONIC INVOICE DISPLAY) Ngày (date) 27 tháng (month) 11 năm (year) 2025					
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO Mã số thuế (Tax code): 3200228529 Địa chỉ (Address): Số 8/11 đường Đặng Dung, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị Số điện thoại (Tel): 02333853482 Số tài khoản (AC No.): 117.000.020.338 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị			Ký hiệu (Series): 1K25TTT Số (Invoice No.): 00007914		
Họ và tên người mua hàng (Buyer): Tên đơn vị (Company's name): NGÔ THỊ BẠCH YẾN Mã số thuế (Tax code): 045175008917 Địa chỉ (Address): 20 Thành Công, Phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị Hình thức thanh toán (Payment method): TM, CK Ngân hàng (Bank):			Số CCCD (ID No.): Mã QHNS (Budget No.): Số tài khoản (AC No.):		
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Bánh Snack V/UA Size	Bao	5	240.800	1.204.000
2	Bánh Snack V/STA Size	Thùng	5	127.500	637.500
3	Áo mưa tiện lợi TT	Cái	120	5.000	600.000
Cộng tiền hàng (Total amount) :					2.441.500
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) :8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount) :			195.320
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					2.636.820
Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi đồng					
NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)			NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Sign, stamp, full name)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) Tra cứu tại website: https://3200228529-tt78.vnpt-invoice.com.vn - Mã tra cứu: 142301001K25TTT7914234206			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO Ký ngày: 27/11/2025 17:07:43		

Biểu mẫu 2.2: Hóa đơn GTGT

[illegible]

50

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 5111; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
3/12/2025	3/12/2025	BH2508143	Bán hàng Trần Thị Thủy Dương - 045180000799 theo hóa đơn 00008143	5111	131	0	3.265.782	0	395.477.241
.....									
4/12/2025	4/12/2025	BH2508148	Bán hàng Trần Thị Lệ - 045165000845 theo hóa đơn 00008148	5111	131	0	303.636	0	407.904.638
.....									
5/12/2025	5/12/2025	BH2508196	Bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI- 045076000942 theo hóa đơn 00008198	511	131	0	2.648.000	0	535.872.985
31/12/2025	31/12/2025	NV24971	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	511	911	43.487.193.608	0		0
			Cộng	511		43.487.193.608	43.487.193.608		
			Số dư cuối kỳ	511				0	0

Biểu mẫu 2.4: Sổ chi tiết tài khoản 5111

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 5112; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
7/10/2025	7/10/2025	BH2506153	Bán hàng PHẠM THỊ YẾN HẰNG - 045174003685 theo hóa đơn 00006153	5112	131	0	300.000	0	1.200.000
.....									
27/11/2025	27/11/2025	BH2507914	Bán hàng NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914	5112	131	0	600.000	0	9.600.000
.....									
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5112	911	3.900.000	0	0	0
			Cộng	5112		64.520.000	64.520.000		
			Số dư cuối kỳ	5112				0	0

Biểu mẫu 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 5112

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 5113; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
20/10/2025	20/10/2025	BH2506513	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00006513	5113	131	0	28.355.458	0	28.355.458
.....									
16/12/2025	16/12/2025	BH2508491	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00008491	5113	131	0	31.528.132	0	31.528.132
.....									
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	911	31.528.132	0	0	0
			Cộng	5113		502.936.509	502.936.509		
			Số dư cuối kỳ	5113				0	0

Biểu mẫu 2.6: Sổ chi tiết tài khoản 5113

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo

Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày,tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
.....								
27/11/2025	27/11/2025	BH2507914	Bán hàng NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914			131	0	2.441.500
.....								
5/12/2025	5/12/2025	BH2508196	Bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198			131	0	2.648.000
.....								
16/12/2025	16/12/2025	BH2508491	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00008491			131	0	31.528.132
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5211	22.761.991	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	5.424.165.503	0
			- Cộng số phát sinh				44.054.650.117	44.054.650.117
			- Số dư cuối kỳ				0	0
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				44.054.650.117	44.054.650.117

Biểu mẫu 2.7: Sổ cái tài khoản 511

2.2.1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu của công ty bao gồm: chiết khấu thương mại

Quy định của công ty về chiết khấu thương mại:

- Chiết khấu trừ ngay trên hóa đơn bán hàng, hóa đơn phải ghi số tiền chiết khấu và thuế GTGT giảm tương ứng.
- Có chứng từ đầy đủ: Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, chính sách CKTM, chứng từ thanh toán.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

➤ Tài khoản sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản 521 được chi tiết bao gồm tài khoản:

- + Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

➤ Chi tiết về khoản giảm trừ của công ty:

+ Kế toán sau khi đã nhận đầy đủ các chứng từ về khoản giảm trừ doanh thu thì tiến hành nhập liệu vào phần mềm Misa theo quy trình và định khoản tương ứng. Sau đó phần mềm

Misa sẽ tự động cập nhật vào sổ cái, sổ chi tiết liên quan đến định khoản trên.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển vào tài khoản 511 để xác định kết quả kinh doanh.

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Ngày 01/10/2025 vào mùa vụ trung thu Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam đã mua bánh trung thu thập cẩm lập

xuống 1 trứng 150g và bánh trung thu đậu xanh 1 trứng 150g với tổng số tiền thanh toán là 2.160.000 đồng trong đó khách hàng được hưởng chiết khấu là 691.200 đồng. Số tiền chiết khấu mà khách hàng được hưởng sẽ được trừ trực tiếp vào tổng số tiền mà khách hàng cần phải thanh toán cho công ty. Sau khi đã trừ chiết khấu tổng số tiền khách hàng cần thanh toán cho công ty là 1.586.304 đồng trong đó đã bao gồm thuế GTGT 8%. Khách hàng chưa thanh toán.

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
 (ELECTRONIC INVOICE DISPLAY)
 Ngày (date) **01** tháng (month) **10** năm (year) **2025**

Ký hiệu (Series): **1K25TTT**
 Số (Invoice No.): **00005939**

Đơn vị bán hàng (Seller):
Mã số thuế (Tax code):
Địa chỉ (Address):
Số điện thoại (Tel):
Số tài khoản (AC No.):
Ngân hàng (Bank):

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO

3200228529

 Số 8/11 đường Đặng Dung, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
 02333853482
 117.000.020.338
 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị

Họ và tên người mua hàng (Buyer): _____ **Số CCCD (ID No.):** _____
Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 3200628044
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Nam Đông Hà, Quảng Trị
Hình thức thanh toán (Payment method): TM, CK **Số tài khoản (AC No.):** _____
Ngân hàng (Bank): _____

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Bánh trung thu thập cẩm lạp xưởng 1 trứng 150g	Chiếc	30	70.000	2.100.000
2	Bánh trung thu đậu xanh 1 trứng 150g	Chiếc	1	60.000	60.000
3	Chiết khấu khách hàng				691.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.468.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 117.504
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.586.304
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh bốn đồng					

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign, full name)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
 (Sign, stamp, full name)

Signature Valid
 Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
 DỊCH VỤ TÂN TẠO
 Ký ngày: 01/10/2025 16:51:10

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
 Tra cứu hóa đơn tại website: <https://3200228529-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 142301001K25TTT5939872375

Biểu mẫu 2.8: Hóa đơn GTGT

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 521; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
1/10/2025	1/10/2025	BH255939	Bán hàng Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam theo hóa đơn 00005939	521	131	691.200	0	1.214.351	0
8/10/2025	8/10/2025	BH2506204	Bán hàng HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THANH NGÀ - 045180006857 theo hóa đơn 00006204	521	131	9.258	0	27.263.266	0
11/10/2025	11/10/2025	BH2506294	Bán hàng Nguyễn Thị Bình-022165008762 theo hóa đơn 00006294	521	131	16.205	0	27.457.671	0
20/10/2025	20/10/2025	BH2506511	Bán hàng LÊ THỊ THUY HANG- 045164004188	521	131	6.945	0	27.767.251	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	521	5111	0	22.761.991	0	0
			Cộng	521		80.314.772	80.314.772		
			Số dư cuối kỳ	521				0	0

Biểu mẫu 2.9: Sổ chi tiết tài khoản 521

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo				(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482				Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)				
			SỔ CÁI					
			(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)					
			Năm 2025					
Tài khoản: 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu								
Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
.....								
1/10/2025	1/10/2025	BH255939	Bán hàng Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam theo hóa đơn 00005939			131	691.200	0
2/10/2025	2/10/2025	BH2505960	Bán hàng NGÔ THỊ THỂ- 045163004019 theo hóa đơn 00005960			131	324.075	0
6/10/2025	6/10/2025	BH2506089	Bán hàng ĐỖ THỊ HỒNG-046168012066 theo hóa đơn 00006089			131	13.890	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		22.761.991
			- Cộng số phát sinh				80.314.772	80.314.772
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				80.314.772	80.314.772

Biểu mẫu 2.10: Sổ cái tài khoản 521

2.2.1.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi từ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có ngân hàng

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính. Để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh các liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ chi tiết tài khoản 515
- Sổ cái tài khoản 515

➤ Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Khi nhận được thông báo về khoản tiền lãi từ ngân hàng, ngân hàng sẽ trả số tiền lãi kèm theo giấy báo có xác nhận đã trả tiền lãi cho công ty. Sau khi kế toán xác nhận đã nhận đủ số tiền lãi mà ngân hàng đã chi trả thì tiến hành lưu trữ tại bộ phận, cuối tháng sẽ tiến hành tổng hợp rồi nhập liệu vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động nhập vào sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 515 và các sổ sách có liên quan khác. Cuối năm, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Vào ngày 30/11/2025, Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo nhận được giấy báo có của ngân hàng về khoản tiền lãi T11/2025 là 18.649 đồng. Đây là khoản tiền lãi nhận được từ khoản tiền gửi của công ty.

Vì khoản tiền lãi nhận được quá nhỏ nên cuối mỗi tháng công ty sẽ tiến hành tổng hợp vào phần mềm một lần. Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 515 và sau đó tiến hành kết chuyển vào tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

GIẤY BÁO CÓ
Credit Advice

Số giao dịch Transaction number	: 16631		
Ngày thực hiện Transaction date	: 30-11-2025 02:04:29		
Tên người chuyển Appilication Name	:		
Số tài khoản From account number	:		
Tại ngân hàng With Bank	: Back Office Operations		
Người thụ hưởng Beneficiary	: CT TNHH TMDV TAN TAO		
Số tài khoản To account number	: 117000020338		
Tại ngân hàng With Bank	: 45098 - CN QUANG TRI - HOI SO		
Số tiền bằng số Amount in figures	: 18,649	Loại tiền Currency	: VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	: Mười tám nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng chẵn./.		
Nội dung Remarks	: Tra lại tại khoản DDA		
Kênh chuyển tiền Channel	:	In từ dịch vụ VietinBank eFast Date printed	:13/04/2026 16:34:40

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu mẫu 2.11: Giấy báo có ngân hàng

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 515; Năm: 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
25/11/2025	25/11/2025	TB25210	Lãi tiền gửi T11/2025	515	1121	0	3.235	0	0
30/11/2025	30/11/2025	NV5834	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/11/2025	515	911	23.584	0	20.349	0
30/11/2025	30/11/2025	TB25215	Lãi tiền gửi T11/2025	515	1121	0	18.649	1.700	0
30/11/2025	30/11/2025	TB25216	Lãi tiền gửi T11/2025	515	1121	0	1.700	0	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	37.244	0	37.244	0
31/12/2025	31/12/2025	TB25230	Lãi tiền gửi T12/2025	515	1121	0	29.331	7.913	0
31/12/2025	31/12/2025	TB25233	Lãi tiền gửi T12/2025	515	1121	0	3.313	4.600	0
31/12/2025	31/12/2025	TB25234	Lãi tiền gửi T12/2025	515	1121	0	4.600	0	0
			Cộng	515		389.691	389.691		0
			Số dư cuối kỳ	515				0	0

Biểu mẫu 2.12: Sổ chi tiết tài khoản 515

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482

Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				0	0
			- Số phát sinh trong kỳ				0	0
.....								
30/11/2025	30/11/2025	TB25215	Lãi tiền gửi T11/2025			1121		18.649
.....								
			- Cộng số phát sinh				389.691	389.691
			- Số dư cuối kỳ					0
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				389.691	389.691

Biểu mẫu 2.13: Sổ cái tài khoản 515

2.2.1.5. Kế toán các khoản thu nhập khác

Thu nhập khác của công ty đến từ chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng.

- Khoản thu nhập này phát sinh do công ty đạt chỉ tiêu mua hàng theo chính sách của nhà cung cấp nên được hưởng khoản chiết khấu bằng tiền.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 711

➤ Tài khoản sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 711 – Thu nhập khác để hạch toán các khoản thu nhập khác của công ty.

➤ Kế toán thu nhập khác

Khi kế toán nhận được các chứng từ có liên quan đến thu nhập khác thì sẽ tiến hành kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm. Tiếp đó, phần mềm sẽ tự động nhập vào sổ cái, sổ chi tiết của tài khoản 711.

Cuối năm, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu sau đó kết chuyển sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Vào ngày 16/10/2025 Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo nhận được một khoản thu nhập về việc chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025 từ Công ty Cổ Phần Morinaga Nutrition Foods Việt Nam với số

tiền 2.066.559 đồng.

	Ký hiệu (Serial): 1C25TMN HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Số (No.): 30814 (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử <i>(Electronic invoice display)</i> Ngày (date) 16 tháng (month) 10 năm (year) 2025				
	Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM Mã số thuế (Tax code): 4600285900 Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, Phường Trung Thành, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Điện thoại (Tel): 02083666669 Fax: Website: Số tài khoản (Account No.): 041254 Ngân hàng (Bank): MUFG Bank, CN Hà Nội H15-795-022732 MIZUHO Bank, CN Hà Nội				
Họ tên người mua hàng (Customer's name): Ông: Hồ Viết Tạo Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH TMDV Tân Tạo Mã số thuế (Tax code): 3200228529 Địa chỉ (Address): Số 8/11 đường Đặng Dung, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Số tài khoản (Account No.): Ngân hàng (Bank): Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK/BTCN Ghi chú (Note):					
STT <i>(No.)</i>	Tên hàng hóa, dịch vụ <i>(Description)</i>	Đơn vị tính <i>(Unit)</i>	Số lượng <i>(Quantity)</i>	Đơn giá <i>(Unit price)</i>	Thành tiền <i>(Amount)</i>
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu tháng 9/2025 kèm theo Bảng kê các hoá đơn được điều chỉnh số 09/2025 ngày 16 tháng 10 năm 2025		0	0	2.066.559
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.066.559
Thuế suất GTGT (VAT amount): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			165.325
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					2.231.884
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng					

Biểu mẫu 2.14: Hóa đơn GTGT

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 711; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
16/10/2025	16/10/2025	NV5668	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025	711	331	0	2.066.559	0	15.132.213
30/10/2025	30/10/2025	BH2506877	Bán hàng Công ty Cổ phần Thực phẩm RICHY Miền Trung theo hóa đơn 00006877	711	131	0	7.957.093	0	23.089.306
31/10/2025	31/10/2025	NV5833	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/10/2025	711	911	23.089.306	0	0	0
18/11/2025	18/11/2025	NV5731	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T10/2025	711	331	0	2.201.138	0	2.201.138
27/11/2025	27/11/2025	BH2507895	Bán hàng Công ty Cổ phần Thực phẩm RICHY Miền Trung theo hóa đơn 00007895	711	131	0	13.128.690	0	15.329.828
30/11/2025	30/11/2025	NV5834	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/11/2025	711	911	15.329.828	0	0	0
16/12/2025	16/12/2025	NV5792	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T11/2025	711	331	0	1.994.541	0	1.994.541
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	711	911	1.994.541	0	0	0
			Cộng	711		54.376.631	54.376.631		
			Số dư cuối kỳ	711				0	0

Biểu mẫu 2.15: Sổ chi tiết tài khoản 711

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo

Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản 711: Các khoản thu nhập khác

Ngày,tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				0	0
			- Số phát sinh trong kỳ				0	0
.....								
16/10/2025	16/10/2025	NV5668	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025			331		2.066.559
.....								
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	1.994.541	
			- Cộng số phát sinh				54.376.631	54.376.631
			- Số dư cuối kỳ					0
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				54.376.631	54.376.631

Biểu mẫu 2.16: Sổ cái tài khoản 711

2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo

2.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 632
- Sổ cái tài khoản 632

➤ Tài khoản sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có liên quan.

➤ Kế toán giá vốn hàng bán

Kế toán của công ty sẽ tiến hành tính giá vốn hàng bán vào mỗi cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền. Trong kỳ kế toán sẽ thực hiện nhập số lượng hàng hóa và giá của mỗi hàng hóa trên phần mềm. Kế toán sẽ tính giá vốn hàng bán dựa trên trị giá hàng tồn kho đầu kỳ cộng với trị giá hàng mua trong kỳ để từ đó tính giá bình quân của sản phẩm. Sau đó, tiến hành thực hiện các bút toán ghi nhận giá vốn hàng hóa.

Giá xuất kho được tính như sau: $\text{Giá xuất kho} = \text{Số lượng} \times \text{giá đơn vị sản phẩm}$

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 1: Ngày 27/11/2025, công ty đã xuất kho bán hàng cho khách hàng NGÔ THỊ BẠCH YẾN. Khách hàng chưa thanh toán, tổng giá trị xuất kho là 2.516.535 đồng. Dựa vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT và ghi nhận giá vốn hàng bán. Khi đã bán hàng hóa, kế toán tiến hành nhập số lượng hàng hóa đã bán trên phần mềm và thực hiện tính giá xuất kho. Giá xuất kho (đơn giá chưa thuế) của các mặt hàng cụ thể như sau:

- Bánh Snack V/UA Size: đơn giá xuất kho là 230.941,43 đồng/bao.
- Bánh Snack V/STA Size: đơn giá xuất kho là 124.057,19 đồng/thùng.
- Áo mưa tiện lợi TT: đơn giá xuất kho là 6.179,52 đồng/cái.

Trên giao diện phần mềm MISA chọn Kho → Tính giá xuất kho → Tại hộp thoại “Tính giá xuất kho” chọn

- Thời gian tính giá xuất kho.

- Phương pháp tính giá xuất kho là Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

→ Nhấn **thực hiện** để phần mềm tự động tính giá xuất kho cho các mặt hàng đã bán → Sau khi hoàn thành, phần mềm sẽ tự động cập nhật đơn giá xuất kho và giá vốn hàng bán vào các chứng từ liên quan.

Website: C.Ty TNHH TM DV Tân Tạo
Mã số thuế: 3200228529 - Tel:
02333853482

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 11 năm 2025

Nợ: 632

Số: 00009055

Có: 1551, 1561

- Họ tên người nhận hàng: NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917

- Địa chỉ (bộ phận): 20 Thành Công, Phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914

- Xuất tại kho Hàng hóa, Thành phẩm
(ngăn lô):

Địa
điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh Snack V/UA Size	VT3559	Bao	5,00		230.941,43	1.154.707
2	Bánh Snack V/STA Size	VT3556	Thùng	5,00		124.057,19	620.286
3	Áo mưa tiền lợi TT	VT00341	Cái	120,00		6.179,52	741.542
	Cộng						2.516.535

Biểu mẫu 2.17: Phiếu xuất kho

Ví dụ 2: Ngày 05/12/2025, công ty đã xuất kho bán hàng cho Hộ kinh doanh HOA HẢI.

Khách hàng chưa thanh toán, tổng giá trị thanh toán là 2.658.111 đồng.

Dựa vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT và ghi nhận giá vốn hàng bán. Khi đã bán hàng hóa, kế toán tiến hành nhập số lượng hàng hóa đã bán được trên

phần mềm và thực hiện tính giá xuất kho. Giá xuất kho (đơn giá chưa thuế) của các mặt hàng cụ thể như sau:

- Bánh Snack V/UA Size: đơn giá xuất kho là 231.574,63 đồng/bao.
- Bánh Snack V/LG Size: đơn giá xuất kho là 115.976,64 đồng/bao.
- Xịt diệt côn trùng Kingstar 600ml: đơn giá xuất kho là 36.071,54 đồng/bình.
- Xịt diệt côn trùng Kingstar 600ml (xanh): đơn giá xuất kho là 36.071,54 đồng/bình.

Sau khi hoàn thành xong phần tính giá vốn phần mềm sẽ tự động cập nhật và sổ chi tiết, sổ cái của tài khoản 632 và các sổ khác có liên quan.

FASTA.COM.VN

Mẫu số: 02 - VT

Website: C.Ty TNHH TM DV Tân

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tạo

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số thuế: 3200228529 - Tel:

02333853482

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2025 Nợ: 632

Số: 00009401 Có: 1561

- Họ tên người nhận hàng: HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942

- Địa chỉ (bộ phận): Thôn Hội Yên, Xã Vĩnh Định, Quảng Trị

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198

- Xuất tại Hàng hóa kho (ngăn lô):

Địa điểm: _____

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh Snack V/UA Size	VT3559	Bao	3,00		231.574,63	694.724
2	Bánh Snack V/LG Size	VT3557	Bao	2,00		115.976,64	231.953
3	Xịt diệt côn trùng Kingstar 600ml	VT3756	Bình	48,00		36.071,54	1.731.434
4	Xịt diệt côn trùng Kingstar 600ml (xanh)	VT01192	Bình	6,00			
	Cộng						2.658.111

Biểu mẫu 2.18: Phiếu xuất kho

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 632; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
27/11/2025	27/11/2025	00009055	Xuất kho bán hàng NGÔ THỊ BACH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914	632	1561	1.774.993	0	3.135.573.784	0
27/11/2025	27/11/2025	00009055	Xuất kho bán hàng NGÔ THỊ BACH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914	632	1551	741.542	0	3.136.315.326	0
....									
5/12/2025	5/12/2025	9401	Xuất kho bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI -045076000942 theo hóa đơn 00008198	632	1561	2.658.111	0	524.046.941	0
.....									
7/12/2025	7/12/2025	9478	Xuất kho bán hàng NGÔ THỊ BACH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00008257	632	1561	1.737.756	0	757.568.876	0
8/12/2025	8/12/2025	9488	Xuất kho bán hàng NGUYỄN THỊ THU HẰNG -045178008360 theo hóa đơn 00008258	632	1561	18.403.990	0	781.185.722	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632	911	0	5.056.772.854	0	0
			Cộng	632		41.236.783.736	41.236.783.736		
			Số dư cuối kỳ	632				0	

Biểu mẫu 2.20: Sổ chi tiết tài khoản 632

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo				(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482				Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)				
			SỔ CÁI					
			(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)					
			Năm 2025					
Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán								
Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				0	0
			- Số phát sinh trong kỳ				0	0
.....								
27/11/2025	27/11/2025	9055	Xuất kho bán hàng Ngô Thị Bạch Yến-045175008917 theo hóa đơn 00007914			1561	1.774.993	0
5/12/2025	5/12/2025	9401	Xuất kho bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198			1561	2.658.111	0
.....								
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	0	5.056.772.854
			- Cộng số phát sinh				41.236.783.736	41.236.783.736
			- Số dư cuối kỳ					142.979
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				41.236.783.736	41.236.783.736

Biểu mẫu 2.21: Sổ cái tài khoản 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu từ chi phí trả tiền lãi vay

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo nợ

b. Tài khoản và sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 635

- Sổ cái tài khoản 635

➤ Tài khoản sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính để hạch toán nghiệp vụ liên quan đến chi phí hoạt động tài chính

➤ Chi phí tài chính

Khi nhận được các chứng từ liên quan kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 635 và các sổ khác có liên quan. Cuối kỳ, sẽ kết chuyển sang tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh.

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 06/10/2025 công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo đã nhận được thông báo trả tiền lãi vay từ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với số tiền lãi vay phải trả là 2.335.616 đồng. Cùng ngày 06/10/2025 ngân hàng Vietinbank đã tiến hành trừ số tiền đó ở tài khoản ngân hàng của công ty.

GIẤY BÁO NỢ Debit Advice		
Số giao dịch Transaction number	: 16323	
Ngày thực hiện Transaction date	: 06-10-2025 23:18:53	
Tên người chuyển Appilication Name	: CT TNHH TMDV TAN TAO	
Số tài khoản From account number	: 117000020338	
Tại ngân hàng With Bank	: 45098 - CN QUANG TRI - HOI SO	
Người thụ hưởng Beneficiary	:	
Số tài khoản To account number	:	
Tại ngân hàng With Bank	:	
Số tiền bằng số Amount in figures	: 2,335,616	Loại tiền Currency : VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	: Hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng chẵn./.	
Nội dung Remarks	: Tra no TK vay 808007057925,so tien 2335616 VND	
Kênh chuyển tiền Channel	In từ dịch vụ VietinBank eFast Date printed	:15/04/2026 16:03:43

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu mẫu 2.22: Giấy báo nợ

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 635; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
6/10/2025	6/10/2025	CB251011	Trả lãi vay	635	1121	2.335.616	0	8.930.137	0
.....									
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	635	911	0	25.964.713	0	0
			Cộng	635		222.542.354	222.542.354		0
			Số dư cuối kỳ	635				0	0

Biểu mẫu 2.23: Sổ chi tiết tài khoản 635

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482

Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				0	0
			- Số phát sinh trong kỳ				0	0
.....								
6/10/2025	6/10/2025	CB251011	Trả lãi vay			1121	2.335.616	
6/10/2025	6/10/2025	CB251010	Trả lãi vay			1121	2.463.014	0
.....								
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày			911		25.964.713
			- Cộng số phát sinh				222.542.354	222.542.354
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				222.542.354	222.542.354

Biểu mẫu 2.24: Sổ cái tài khoản 635

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 6411: Lương nhân viên bán hàng
- Sổ chi tiết tài khoản 6414: Khấu hao
- Sổ chi tiết tài khoản 6418: Các chi phí liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan.

➤ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên bán hàng
- Chi phí vận chuyển, giao hàng
- Chi phí tiền điện
- Chi phí bằng tiền khác

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Vào ngày 03/10/2025 công ty nhận được hóa đơn GTGT số 2615 từ Công ty xăng dầu Quảng Trị với số tiền 1.163.400 đồng trong đó đã bao gồm thuế GTGT 8%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán sẽ tiến hành tổng hợp các nghiệp vụ phát sinh có liên quan sau đó kết chuyển sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ
CHI NHÁNH PETROLIMEX ĐỒNG HÀ

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Chứng từ giấy của hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K25TCH

Số: 2615

Ngày 03 tháng 10 năm 2025 08:18

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH PETROLIMEX ĐỒNG HÀ - CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ

Mã số thuế: 3100105749-042

Địa chỉ: Số 02 Lê Lợi, Phường Nam Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Cửa hàng số: PETROLIMEX-CỬA HÀNG 18

Người mua hàng:

Biển số xe: 74C-077.11

Đơn vị mua hàng: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Tân Tạo

Mã số thuế: 3200228529

Địa chỉ: 8/11 Đặng Dung, Phường Nam Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị

Hình thức thanh toán: TM/CK/Thẻ

Mã QHNS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	Lít	60,000	17.953,7	1.077.222
Cộng tiền hàng:					1.077.222
Tiền thuế GTGT (8%)					86.178
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					1.163.400

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:

Một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH PETROLIMEX
ĐỒNG HÀ - CÔNG TY TNHH MTV
PETROLIMEX QUẢNG TRỊ
Ký ngày: 03/10/2025

Mã tra cứu: 2C4T7RGZD*

Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>



PETROLIMEX

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Biểu mẫu 2.25: Hóa đơn GTGT

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản 641; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
3/10/2025	3/10/2025	NV5642	Hạch toán tiền mua Dầu Đíezen	641	331	1.077.222	0	13.873.371	0
.....									
30/12/2025	30/12/2025	NV5814	Hạch toán tiền mua Dầu Đíezen	641	331	977.222	0	38.525.004	0
30/12/2025	30/12/2025	NV5815	Hạch toán tiền mua Dầu Đíezen	641	331	977.222	0	39.502.226	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	641	911	0	127.398.920	0	
			Cộng	641		1.540.799.358	1.540.799.358		
			Số dư cuối kỳ	641				0	

Biểu mẫu 2.26: Sổ chi tiết tài khoản 641

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo					(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482					Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)				
					SỔ CÁI				
					(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)				
					Năm 2025				
Tài khoản 641: Chi phí bán hàng									
Ngày,tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK	Số tiền		
ghi sổ	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
.....									
3/10/2025	3/10/2025	NV5642	Hạch toán tiền mua Dầu Diezen			331	1.077.222	0	
.....									
2/12/2025	2/12/2025	NV5756	Hạch toán tiền điện T11/2025			331	2.250.528		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày			911		127.398.920	
			- Cộng số phát sinh				1.540.799.358	1.540.799.358	
			- Số dư cuối kỳ						
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				1.540.799.358	1.540.799.358	

Biểu mẫu 2.27: Sổ cái tài khoản 641

2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 6421: Lương nhân viên quản lý

- Sổ chi tiết tài khoản 6424: Khấu hao TSCĐ

- Sổ chi tiết tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác phục vụ quản lý doanh nghiệp

- Sổ cái tài khoản 642

➤ Tài khoản sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty.

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khi có nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán tiến hành đối chiếu, kiểm tra về tính hợp lệ của chứng từ. Sau khi kiểm tra, tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ chi tiết, sổ cái của tài khoản 642.

Vào cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ rồi kết chuyển sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh .

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 07/12/2025, Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo nhận được hóa đơn GTGT về dịch vụ viễn thông của Tổng Công ty Viễn thông Mobifone. Tổng số tiền thanh toán là 155.100 đồng, trong đó thuế GTGT 10% là 14.100 đồng. Công ty chưa thanh toán cho nhà cung cấp.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE 		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu (Serial No): 1K25DAX Số (No): 3095	
Ngày 07 tháng 12 năm 2025					
Đơn vị bán hàng (Sale Company): TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE Địa chỉ (Address): Số 01 phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam Mã số thuế (taxcode): 0100686209 Số điện thoại (Tel):					
Tên khách hàng (Customer name): Cty TNHH TMDV Tân Tạo Địa chỉ (Address): 08/11 Đặng Dung, Phường Nam Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Số thuê bao (Sub No): 905577292 Mã khách hàng (Customer code): 0010707643 Mã số thuế (Tax code): 3200228529 Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget unit code): Số định danh (Identity Card): Số hộ chiếu (Passport): Cước từ ngày (Charging from): 01/11/2025 đến ngày (to): 30/11/2025 Đơn vị tính: VND					
STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICES)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)	THUẾ SUẤT (%) (VAT)	TIỀN THUẾ (VAT AMOUNT)	CỘNG (TOTAL)
A	B	1	2	3=1*2	4=1+3
1	Cước dịch vụ viễn thông trả sau (Dịch vụ chịu thuế)	141.000	10%	14.100	155.100
CỘNG (TOTAL):		141.000		14.100	155.100
TỔNG TIỀN THANH TOÁN (GRAND TOTAL):					
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ (SUM IN WORDS): Một trăm năm mươi lăm nghìn một trăm đồng					
Người mua hàng (Customer) Ký, ghi rõ họ tên (Buyer's signature)			Người bán hàng (Goods sold by) Ký, ghi rõ họ tên (Salesman's signature)		
			Được ký bởi: TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE Ngày ký: 07/12/2025 		
Mã nhận hóa đơn: Hpe8HR		Tra cứu tại: http://tracuuhoadonvienthong.mobifone.vn (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)			

Trang 1/1

Biểu mẫu 2.28: Hóa đơn GTGT

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 642; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
7/12/2025	7/12/2025	CM5762	Thanh toán tiền cước Viễn thông trả sau T11/2025	642	1111	141.000	0	2.699.020	0
.....									
27/12/2025	27/12/2025	CM5819	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1111	4.175.000	0	16.060.220	0
.....									
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	642	911	0	79.736.923	0	0
			Cộng	642		756.467.139	756.467.139		
			Số dư cuối kỳ	642				0	

Biểu mẫu 2.29: Sổ chi tiết tài khoản 642

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo					(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482					Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)				
			SỔ CÁI						
			(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
			Năm 2025						
Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp									
Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
.....									
7/12/2025	7/12/2025	CM5762	Thanh toán tiền cước Viễn thông trả sau T11/2025			1111	141.000	0	
.....									
11/12/2025	11/12/2025	CB25128	Phí DV SMS T11/2025			1121	55.000	0	
.....									
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		79.736.923	
			- Cộng số phát sinh				756.467.139	756.467.139	
			- Số dư cuối kỳ						
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				756.467.139	756.467.139	

Biểu mẫu 2.30: Sổ cái tài khoản 642

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ và chủ yếu đến từ truy thu thuế TNDN, vì phạm hành chính quyết toán thuế

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Chứng từ kế toán

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 811

- Sổ cái tài khoản 811

➤ Tài khoản kế toán sử dụng

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác công ty đã sử dụng tài khoản 811

– Chi phí khác

➤ Kế toán chi phí khác: Khi kế toán nhận được các chứng từ liên quan thì tiến hành kiểm tra, nhập liệu vào phần mềm. Tiếp đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 811 và các sổ sách khác có liên quan. Kế toán tiến hành tổng hợp lại số liệu kết chuyển sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

c. **Nghiệp vụ kinh tế phát sinh:** Vào ngày 10/03/2025, công ty đã thực hiện hạch toán khoản thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 truy thu với số tiền là 16.988.000 đồng.

Website: C.Ty TNHH TM DV Tân Tạo
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Tên: _____ Số: NV5823
Địa chỉ: _____ Ngày: 10/03/2025
Diễn giải: Hạch toán thuế TNDN năm 2024 truy thu

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Hạch toán thuế TNDN năm 2024 truy thu	811	3334	16.988.000
Cộng				16.988.000

Biểu mẫu 2.31: Chứng từ kế toán

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 811; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
.....									
10/3/2025	10/3/2025	NV5823	Hạch toán thuế TNDN năm 2024 truy thu	811	3334	16.988.000	0	20.385.600	0
.....									
17/07/2025	17/07/2025	CB250677	Nộp thuế GTGT	811	1121	102.344	0	102.344	0
.....									
31/07/2025	31/07/2025	NV5830	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/07/2025	811	911	0	1.179.860	0	0
			Cộng	811		21.565.460	21.565.460		
			Số dư cuối kỳ	811				0	0

Biểu mẫu 2.32: Sổ chi tiết tài khoản 811

FASTA.COM.VN			Mẫu số: S03b-DN					
Website: C.Ty TNHH TM DV Tân Tạo			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC					
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tài khoản:		811- Chi phí khác						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
.....								
10/03/2025	10/03/2025	NV5823	Hạch toán thuế TNDN năm 2024 truy thu			3334	16.988.000	
.....								
17/07/2025	17/07/2025	CB250677	Nộp thuế GTGT			1121	102.344	
17/07/2025	17/07/2025	CB250678	Nộp tiền chậm nộp			1121	62.880	
31/07/2025	31/07/2025	NV5830	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/07/2025			911		1.179.860
			- Cộng số phát sinh				21.565.460	21.565.460
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				21.565.460	21.565.460

Biểu mẫu 2.33: Sổ cái tài khoản 811

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.3.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN)

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

➤ Tài khoản kế toán sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Cuối năm, kế toán tiến hành việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp và nhập liệu lên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng cục thuế. Sau khi kế toán đã hoàn thành quá trình kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp thì tiến hành xuất file XML và thực hiện nộp số tiền thuế mà công ty phải nộp cho cơ quan thuế. Tiếp đó, thì tiến hành hạch toán số tiền thuế đã nộp vào tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kế toán sẽ tiến hành kiểm tra và đối chiếu số tiền thuế đã nộp với báo cáo tài chính. Nếu có sự điều chỉnh thì số tiền thuế được điều chỉnh sẽ được ghi nhận vào tài khoản 821. Cuối năm kế toán tiến hành tổng hợp số liệu để kết chuyển sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tất cả các chứng từ liên quan đến thuế sẽ được lưu trữ và bảo quản để tiện cho việc kiểm tra sau này của cơ quan thuế.

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Vào ngày 31/12/2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 theo mẫu số 03/TNDN để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ.

❖ Xác định Thu nhập chịu thuế từ Lợi nhuận kế toán.

Thu nhập chịu thuế	=	DT tính thu nhập chịu thuế	-	CP được trừ trong kỳ	+	Các khoản thu nhập khác
-----------------------	---	-------------------------------	---	-------------------------	---	----------------------------

$$= (43.974.335.345 + 389.691 + 54.376.631) - (41.236.783.736 + 222.542.354 + 1.540.799.358 + 756.467.139) = \mathbf{272.509.080}$$

Trong đó: Khoản chi phí không được trừ

TK 811: Tiền phạt nộp chậm thuế TNDN

❖ Xác định Thuế TNDN phải nộp trong kỳ

Doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất ưu đãi 17% dành cho đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, số thuế TNDN phát sinh trong kỳ (Chỉ tiêu [E1]) được tính như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = 272.509.080 \times 17\% = \mathbf{46.326.544} \text{ đồng}$$

❖ Đối chiếu số thuế đã tạm nộp và Nghĩa vụ thuế còn lại.

Trong năm tài chính, tổng số thuế đã nộp vào Ngân sách nhà nước (Chỉ tiêu [G]) là **85.837.765** đồng, bao gồm:

- Số thuế nộp thừa từ kỳ trước chuyển sang (chỉ tiêu [G2]): **10.837.765** đồng.

- Số thuế đã tạm nộp thực tế trong năm (chỉ tiêu [G3]): **75.000.000** đồng.

Kết quả so sánh giữa số thực tế phát sinh và số thuế đã tạm nộp cho thấy doanh nghiệp đang ở trạng thái **nộp thừa**.

$$\text{Số thuế nộp thừa} = 46.326.544 - 85.837.765 = \mathbf{(39.511.211)} \text{ đồng.}$$

Khoản thuế nộp thừa sẽ được bù trừ vào kỳ sau hoặc xử lý theo quy định của pháp luật thuế.

FASTA.COM.VN
Website: C.Ty TNHH TM DV Tân Tạo
Mã số thuế: 3200228529 - Tel:
02333853482

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		44.054.650.117	36.790.359.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		80.314.772	27.958.222
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		43.974.335.345	36.762.401.449
4. Giá vốn hàng bán	11		41.236.783.736	33.807.950.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.737.551.609	2.954.451.086
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		389.691	255.996
7. Chi phí tài chính	22		222.542.354	310.292.114
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		1.540.799.358	1.317.074.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		756.467.139	1.063.165.187
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		218.132.449	264.175.281
11. Thu nhập khác	31		54.376.631	13.781.190
12. Chi phí khác	32		21.565.460	26.748.466
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		32.811.171	(12.967.276)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		250.943.620	251.208.005
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		46.326.544	55.591.294
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		204.617.076	195.616.711
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Biểu mẫu 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: ☐ X

[03] Bổ sung
lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%):

90,00

[06] Tên người nộp thuế :

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo

[07] Mã số thuế:

3200228529

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	250.943.620
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	21.565.460
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	21.565.460
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0

2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	272.509.080
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	272.509.080
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	272.509.080
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	272.509.080
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	272.509.080
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	272.509.080
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	17
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	46.326.544
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0

12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	46.326.544
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ và Lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	46.326.544
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	46.326.544
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	85.837.765
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		85.837.765
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	10.837.765
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	75.000.000
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	(28.673.456)
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0

I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	(39.511.221)
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	(39.511.221)
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	46.326.544	46.326.544	0	0	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0					0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHCN	E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6	0	0	0	0	0	
Tổng cộng				46.326.544	0	0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày ký:

Biểu mẫu 2.35: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 821; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5821	Hạch toán thuế TNDN năm 2025 (17%)	821	3334	46.326.544	0	46.326.544	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	821	911	0	46.326.544	0	0
			Cộng	821		46.326.544	46.326.544		
			Số dư cuối kỳ	821				0	0

Biểu mẫu 2.36: Sổ chi tiết tài khoản 821

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo				(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482				Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)				
			SỔ CÁI					
			(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)					
			Năm 2025					
Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu	Số tiền	
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng	TK	Nợ	Có
						đối ứng		
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	31/12/2025	NV5821	Hạch toán thuế TNDN năm 2025 (17%)			3334	46.326.544	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		46.326.544
			- Cộng số phát sinh				46.326.544	46.326.544
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				46.326.544	46.326.544

Biểu mẫu 2.37: Sổ cái tài khoản 821

2.2.3.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

Sổ chi tiết tài khoản 911

➤ Tài khoản kế toán sử dụng

Công ty đã sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để theo dõi và hạch toán

➤ Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối năm, Kế toán sẽ tiến hành tổng hợp lại chi phí, doanh thu phát sinh trong kỳ sau đó điểm tra đối chiếu với sổ sách và chứng từ xem có trùng khớp không. Dựa trên sổ chi tiết của các TK 511, TK 515, TK 632,... Kế toán thực hiện kết chuyển chi phí và doanh thu sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh nhằm xem tình hình lãi, lỗ của công ty như thế nào. Sau khi xác định được kết quả kinh doanh kế toán sẽ kết chuyển số dư từ tài khoản 911 sang tài khoản 421 để ghi nhận lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Khi đã hoàn thành quá trình kết chuyển kế toán sẽ tiến hành lập báo cáo tài chính.

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Vào ngày 31/12/2025 kế toán tiến hành tổng hợp các số liệu đã phát sinh trong năm về doanh thu và chi phí để tiến hành xác định kết quả kinh doanh. Doanh thu sẽ được kết chuyển vào bên Có của tài khoản 911, còn chi phí sẽ được phản ánh vào bên Nợ của tài khoản 911.

- Vào phần mềm MISA → phân hệ Tổng hợp → chọn chức năng Kết chuyển lãi lỗ → chọn kỳ hạch toán tháng/năm cần kết chuyển → nhấn Thực hiện → phần mềm tự động sinh chứng từ nghiệp vụ khác để kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911.

DT thuần BH và CCDV	=	44.054.650.117	-	80.314.772	=	43.974.335.345
------------------------	---	----------------	---	------------	---	----------------

LN gộp về BH và CCDV	=	43.974.335.345	-	41.236.783.736	=	2.737.551.609
-------------------------	---	----------------	---	----------------	---	---------------

LN thuần từ hoạt động KD	=	2.737.551.609	+ (389.691 - 222.542.354) -	1.540.799.358 -	756.467.139 =	218.132.449
--------------------------------------	---	---------------	------------------------------	-----------------	---------------	-------------

LN khác	=	54.376.631	-	21.565.460	=	32.811.171
---------	---	------------	---	------------	---	------------

Tổng LN kế toán trước thuế	=	218.132.449	+	32.811.171	=	250.943.620
-------------------------------	---	-------------	---	------------	---	-------------

LN sau thuế TNDN	=	250.943.620	-	46.326.544	=	204.617.076
------------------------	---	-------------	---	------------	---	-------------

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 911; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
			- Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ					0	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111	0	5.388.737.371	0	5.388.737.371
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5112	0	3.900.000	0	5.392.637.371
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113	0	31.528.132	0	5.424.165.503
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515	0	37.244	0	5.424.202.747
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	5.056.772.854	0	0	367.429.893
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	635	25.964.713	0	0	341.465.180
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6411	81.234.446	0	0	260.230.734
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6414	5.073.950	0	0	255.156.784
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6418	41.090.524	0	0	214.066.260
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	50.322.700	0	0	163.743.560
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6424	12.786.886	0	0	150.956.674
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6428	16.627.337	0	0	134.329.337
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	711	0	1.994.541	0	136.323.878
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	8211	46.326.544	0	0	89.997.334
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	89.997.334	0	0	0
			Cộng	911		44.494.917.224	44.494.917.224		
			Số dư cuối kỳ	911				0	0

Biểu mẫu 2.38: Sổ chi tiết tài khoản 911

Website: C.ty TNHH TMDV Tân Tạo					(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số thuế: 3200228529 - Tel: 02333853482					Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)				
			SỔ CÁI						
			(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
			Năm 2025						
Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh									
Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Ngày	Số hiệu		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212	89.997.334		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		5.388.737.371	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5112		3.900.000	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5113		31.528.132	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		37.244	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	25.964.713		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6411	81.234.446		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6414	5.073.950		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6418	41.090.524		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	50.322.700		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6424	12.786.886		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6428	16.627.337		
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			711		1.994.541	
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			8211	46.326.544		
			- Cộng số phát sinh				44.494.917.224	44.494.917.224	
			- Số dư cuối kỳ						

Biểu mẫu 2.39: Sổ cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo

Địa chỉ: Số 8/11 đường Đặng Dung - Phường Nam Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
.....							
01/10/2025	01/10/2025	06825	Thu tiền của Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam theo hóa đơn 00005939	1111	131	1.586.304	0
01/10/2025	01/10/2025	06825	Thu tiền của Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam theo hóa đơn 00005939	131	1111	0	1.586.304
03/10/2025	03/10/2025	NV5642	Hạch toán tiền mua Dầu Đeizen	6418	331	1.077.222	0
03/10/2025	03/10/2025	NV5642	Hạch toán tiền mua Dầu Đeizen	331	6418	0	1.077.222
06/10/2025	06/10/2025	CB251011	Trả lãi vay	635	1121	2.335.616	0
06/10/2025	06/10/2025	CB251011	Trả lãi vay	1121	635	0	2.335.616
16/10/2025	16/10/2025	NV5668	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025	331	711	2.066.559	0
16/10/2025	16/10/2025	NV5668	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025	711	331	0	2.066.559
16/10/2025	16/10/2025	NV5668	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025	331	1331	165.325	0
16/10/2025	16/10/2025	NV5668	Hạch toán chiết khấu hoàn thành chỉ tiêu mua hàng T09/2025	1331	331	0	165.325
27/11/2025	27/11/2025	09101	Thu tiền của NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914	1111	131	2.636.820	0
27/11/2025	27/11/2025	09101	Thu tiền của NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914	131	1111	0	2.636.820
30/11/2025	30/11/2025	TB25215	Lãi tiền gửi T11/2025	1121	515	18.649	0
30/11/2025	30/11/2025	TB25215	Lãi tiền gửi T11/2025	515	1121	0	18.649
05/12/2025	05/12/2025	BH2508196	Bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198	131	5111	2.648.000	0
05/12/2025	05/12/2025	BH2508196	Bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198	5111	131	0	2.648.000
05/12/2025	05/12/2025	BH2508196	Bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198	131	33311	211.840	0
05/12/2025	05/12/2025	BH2508196	Bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198	33311	131	0	211.840

05/12/2025	05/12/2025	00009401	Xuất kho bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198	632	1561	2.658.111	0
05/12/2025	05/12/2025	00009401	Xuất kho bán hàng HỘ KINH DOANH HOA HẢI-045076000942 theo hóa đơn 00008198	1561	632	0	2.658.111
07/12/2025	07/12/2025	CM5762	Thanh toán tiền cước Viễn thông trả sau T11/2025	6428	1111	141.000	0
07/12/2025	07/12/2025	CM5762	Thanh toán tiền cước Viễn thông trả sau T11/2025	1111	6428	0	141.000
07/12/2025	07/12/2025	CM5762	Thanh toán tiền cước Viễn thông trả sau T11/2025	1331	1111	14.100	0
07/12/2025	07/12/2025	CM5762	Thanh toán tiền cước Viễn thông trả sau T11/2025	1111	1331	0	14.100
16/12/2025	16/12/2025	BH2508491	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00008491	131	5113	31.528.132	0
16/12/2025	16/12/2025	BH2508491	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00008491	5113	131	0	31.528.132
16/12/2025	16/12/2025	BH2508491	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00008491	131	33311	2.522.251	0
16/12/2025	16/12/2025	BH2508491	Bán hàng Công ty TNHH King Show - Việt Nam theo hóa đơn 00008491	33311	131	0	2.522.251
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5111	5211	22.761.991	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5211	5111	0	22.761.991
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5111	911	5.388.737.371	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111	0	5.388.737.371
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5112	911	3.900.000	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5112	0	3.900.000
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	911	31.528.132	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113	0	31.528.132
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	37.244	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515	0	37.244
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	5.056.772.854	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632	911	0	5.056.772.854
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	635	25.964.713	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	635	911	0	25.964.713
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6411	81.234.446	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6411	911	0	81.234.446
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6414	5.073.950	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6414	911	0	5.073.950
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6418	41.090.524	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6418	911	0	41.090.524
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	50.322.700	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421	911	0	50.322.700
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6424	12.786.886	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6424	911	0	12.786.886

31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6428	16.627.337	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6428	911	0	16.627.337
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	711	911	1.994.541	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	711	0	1.994.541
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	8211	46.326.544	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	8211	911	0	46.326.544
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	89.997.334	0
31/12/2025	31/12/2025	NV5836	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	911	0	89.997.334
			Cộng			404.761.608.141	404.761.608.141

Biểu mẫu 2.40: Sổ nhật ký chung năm 2025

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN TẠO.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

Sau khoảng ba tháng thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo, một khoảng thời gian cùng với đó là khả năng hạn chế của em để giúp em hiểu nhiều và rõ hơn về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Nhưng với những kiến thức mà em đã được học cùng với đó là sự chỉ dạy nhiệt tình của các anh chị trong công ty sau đây em xin được đưa ra các nhận xét của em.

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Tổ chức công tác kế toán của công ty nhìn chung phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Với đội ngũ kế toán có trình độ học vấn cao và có nhiều năm kinh nghiệm.
- Các nhân viên kế toán trong công ty thường xuyên nâng cao trình độ, tận tâm và hoàn thành các công việc được giao một cách nhanh chóng.
- Công ty đã trang bị đầy đủ trang thiết bị để phục vụ cho công việc như: máy in, máy tính để bàn, máy tính cầm tay để cho việc làm báo cáo và in các chứng từ diễn ra một cách nhanh chóng.
- Các bộ phận trong công ty có sự liên kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong công việc.

➤ Về tổ chức công tác kế toán

- Nhân viên kế toán trong công ty luôn tích cực cập nhật những thông tư, nghị định mới được ban hành và nghiêm túc thực hiện đúng theo chuẩn mực kế toán để phục vụ cho công việc và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Công ty đã áp dụng song song hình thức kế toán nhật ký chung và phần mềm kế toán MISA từ đó giúp mọi công việc trở nên dễ dàng, thuận tiện, minh bạch, chính xác và tiết kiệm được thời gian.

- Công ty đã áp dụng hệ thống chứng từ kế toán được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC.
- Công ty đã sử dụng hóa đơn điện tử để thuận tiện cho việc lưu trữ thời gian dài, ngoài ra còn giúp công ty tiết kiệm được chi phí.
- Các kho hàng hóa nằm ngay tại công ty thuận tiện cho việc nhập xuất hàng hóa dễ dàng hơn.

3.1.2. Nhược điểm

Trong năm qua công ty đã gặt hái được nhiều thành tựu nhưng bên cạnh đó cũng có một số điểm cần phải khắc phục để công ty hoạt động hiệu quả hơn.

- Nhân viên kế toán ngoài những công việc chuyên môn ra còn kiêm thêm nhiều việc khác nên công việc dồn dập không thể tránh khỏi những sai sót. Các Thông tư, nghị định thay đổi liên tục làm cho kế toán thường xuyên phải cập nhật để phục vụ cho công việc gây ra tình trạng chậm trễ và khiến cho nhân viên kế toán cảm thấy áp lực.
- Hầu hết công ty lưu trữ các hóa đơn, sổ sách trên máy tính nên dẫn đến tình trạng nhân viên bị phụ thuộc vào máy vi tính ở trong công ty.

3.2. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo

3.2.1. Ưu điểm

➤ Về kế toán doanh thu

- Công ty đã áp dụng nhiều hình thức thanh toán đa dạng để giúp cho khách hàng có thể thanh toán linh hoạt hơn. Ngoài ra, công ty đang cho khách hàng nợ tiền hàng hóa nên thu hút được nhiều khách hàng hơn.
- Công ty đã nộp thuế tạm nộp nhiều hơn số thuế phải nộp điều đó cho thấy công ty không nộp thiếu thuế và tuân thủ các quy định của cơ quan thuế đưa ra.

➤ Về xác định kết quả kinh doanh

- Vào cuối năm, công ty tiến hành việc xác định kết quả kinh doanh từ đó giúp ban lãnh đạo có thể nhìn thấy được tình hình hoạt động của công ty trong năm vừa qua như thế nào và đưa ra được các phương hướng kinh doanh trong năm tiếp theo.

3.2.2. Nhược điểm

- Đa số các khách hàng khi mua hàng hóa tại công ty thường chưa trả tiền nên kế toán phải theo dõi công nợ của khách hàng gây mất thời gian và công việc bị chậm trễ.
- Công ty kinh doanh mặt hàng bánh kẹo là chủ yếu, một số loại bánh tươi có hạn sử dụng ngắn ngày dẫn đến khi hàng hóa còn tồn lại trong kho hết hạn sử dụng nhân viên kế toán kho của công ty phải thực hiện thu hồi lại các sản phẩm hết hạn sử dụng để trả lại cho công ty sản xuất. Gây mất nhiều thời gian và tốn thêm chi phí của công ty.
- Việc công ty nộp thuế tạm nộp nhiều hơn với số thuế phải nộp làm cho tiền của công ty bị tồn đọng tại ngân sách nhà nước. Làm giảm hiệu quả sử dụng vốn, khoản tiền nộp thừa đó không sinh lãi và không sử dụng cho hoạt động kinh doanh.
- Công ty đang sử dụng phần mềm MISA để quản lý hàng hóa. Tuy nhiên, giá hàng hóa được thiết lập cố định trên phần mềm và chưa được cập nhật kịp thời khi có sự thay đổi về giá bán. Do đó, trong một số trường hợp giá ghi nhận trên Phiếu xuất kho cao hơn hoặc thấp hơn giá thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng. Điều này có thể gây khó khăn cho việc đối chiếu chứng từ, làm giảm tính đồng nhất của thông tin kế toán và ảnh hưởng đến công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Công ty hiện đang sử dụng chung Phiếu xuất kho cho cả hai danh mục hàng hóa và thành phẩm thuộc tài khoản 1551 và 1561. Điều này dễ dẫn đến sự nhầm lẫn trong quá trình ghi nhận, theo dõi và hạch toán giá vốn hàng bán, ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin kế toán và hiệu quả công tác quản lý kho.

Website: C.Ty TNHH TM DV Tân Tạo
Mã số thuế: 3200228529 - Tel:
02333853482

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 11 năm 2025

Số: 00009055

Nợ: 632

Có: 1551, 1561

- Họ tên người nhận hàng: NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917

- Địa chỉ (bộ phận): 20 Thành Công, Phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng NGÔ THỊ BẠCH YẾN - 045175008917 theo hóa đơn 00007914

- Xuất tại kho Hàng hóa, Thành phẩm (ngăn lỗ):

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh Snack V/UA Size	VT3559	Bao	5,00		230.941,43	1.154.707
2	Bánh Snack V/STA Size	VT3556	Thùng	5,00		124.057,19	620.286
3	Áo mưa tiện lợi TT	VT00341	Cái	120,00		6.179,52	741.542
	Cộng						2.516.535

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo, từ những nhược điểm đã nêu trên và những gì đã được học ở trường cũng như trong suốt thời gian thực tập tại công ty, em xin được đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cụ thể như sau:

- Công ty cần thường xuyên rà soát và cập nhật giá hàng hóa trên phần mềm MISA khi có sự thay đổi về chính sách giá bán. Đồng thời, kế toán nên thực hiện đối chiếu định kỳ giữa dữ liệu trên phần mềm với hóa đơn bán hàng nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin kế toán. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể phân công trách nhiệm cụ thể cho nhân viên phụ trách việc cập nhật giá để hạn chế tình trạng chênh lệch giữa Phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng.
- Kế toán nên lập Phiếu xuất kho riêng cho từng danh mục thuộc tài khoản 1551 và 1561 nhằm phân biệt rõ giữa thành phẩm và hàng hóa. Việc tách riêng chứng từ xuất kho sẽ giúp thuận tiện trong công tác quản lý, kiểm tra, đối chiếu số liệu và xác định giá vốn hàng bán chính xác hơn, đồng thời hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán kế toán
- Bộ phận kế toán cần phân công cụ thể công việc cho từng kế toán viên, tránh tình trạng một người kiêm nhiệm quá nhiều phần hành dẫn đến sai sót trong công tác hạch toán và lập báo cáo tài chính.
- Doanh nghiệp nên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho nhân viên kế toán, đặc biệt là các quy định mới về kế toán, thuế và hóa đơn điện tử giúp nhân viên kịp thời cập nhật những thay đổi của chính sách pháp luật và nâng cao trình độ chuyên môn. Việc nâng cao năng lực chuyên môn sẽ giúp giảm được sai sót và nâng cao hiệu quả công việc.
- Ngoài ra, bộ phận kế toán cần lập đầy đủ thuyết minh báo cáo tài chính, giúp phản ánh rõ ràng hơn tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các chính sách kế toán mà doanh nghiệp áp dụng.

KẾT LUẬN

- Công ty cũng nên trích lập dự phòng rủi ro phải thu khó đòi đối với các khách hàng thanh toán chậm. Khi lập dự phòng, cần ghi rõ thông tin khách hàng, số tiền còn nợ và kèm theo đầy đủ chứng từ liên quan để đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ theo quy định.
- Đối với công tác quản lý hàng tồn kho, doanh nghiệp nên áp dụng phương pháp xuất kho nhập trước – xuất trước (FIFO), phù hợp với đặc điểm hàng hóa có hạn sử dụng ngắn. Việc áp dụng phương pháp này giúp giảm rủi ro hàng hóa bị hư hỏng, hết hạn sử dụng và hỗ trợ kiểm soát hàng tồn kho hiệu quả hơn. Đồng thời, công ty cần thường xuyên kiểm tra kho, theo dõi từng lô hàng và hạn sử dụng, từ đó đưa ra các biện pháp để xử lý kịp thời. Ngoài việc áp dụng phương pháp nhập trước – xuất trước công ty nên lập định mức tồn kho hợp lý để tránh nhập hàng quá với lượng tiêu thụ thực tế. Việc này có thể giúp giảm được tình trạng hàng tồn kho, hạn chế hàng hóa hư hỏng và hết hạn sử dụng.
- Bên cạnh đó, đối với các mặt hàng sắp hết hạn sử dụng, công ty nên xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt như giảm giá, khuyến mãi hoặc tặng kèm sản phẩm để hạn chế tồn thất.
- Để tránh tình trạng nộp thừa thuế TNDN tạm nộp gây ứ đọng vốn, kế toán cần xác định mức nộp thuế TNDN tạm nộp hợp lý, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí được trừ và không được trừ, qua đó hạn chế phát sinh các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khi quyết toán.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều loại hình kinh doanh và doanh nghiệp khác nhau đã dẫn đến cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt và khó khăn hơn. Để tạo dựng được uy tín của công ty trên thị trường và thu hút được nhiều khách hàng đòi hỏi công ty phải có nhiều chính sách, chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn. Như vậy, doanh nghiệp mới có thể đứng vững và có vị thế riêng trên thị trường đầy biến động như hiện nay.

Doanh thu chính là vấn đề mà ban lãnh đạo thường quan tâm nhất. Do đó, đòi hỏi kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần phải tuân thủ đúng với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, phản ánh kịp thời tình hình thực tế của công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Tạo tôi nhận thấy rằng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty có nhiều ưu điểm. Để đạt được những ưu điểm đó chính là do công ty có đội ngũ nhân viên có trình độ học vấn và kinh nghiệm dày dặn, đặc biệt là do sự lãnh đạo đúng đắn và kịp thời của ban lãnh đạo công ty. Bên cạnh đó vẫn có những điểm hạn chế mà công ty cần phải cải thiện cho năm kinh doanh tiếp theo. Suốt thời gian tiếp xúc với công việc thực tế ở phòng kế toán đã giúp tôi có thể hiểu rõ hơn về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Phần nào đó đã bổ sung thêm những kiến thức mà bản thân tôi còn thiếu sót

Bài khóa luận của tôi được mặc dù còn rất nhiều hạn chế nhưng phần nào đã đạt được mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên chủ đề tôi chọn tương đối rộng và phức tạp nên không thể tránh khỏi những sai sót nên tôi rất mong quý thầy cô có thể nhận xét và góp ý để tôi có thể hoàn thiện bài khóa luận của mình hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014) Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính Hà Nội.
2. Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp của Trường đại học Kiến trúc Đà Nẵng.
3. Nguyên lý kế toán
4. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Tạo.
5. Các bài luận văn của các anh chị khóa trước của Trường đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Lê Thị Quỳnh Nguyên, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:**

- Chat GPT
- Gemini

- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

- Dùng để tìm ý tưởng
- Tóm tắt

- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

- Chương 1: Tìm ý tưởng và tổng hợp nội dung cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Chương 3: Xây dựng phần nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký

Ngày: 01/06/2025